



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

20

Tháng 10 - 2010

CÔNG TY TNHH NN MTV KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY THÀNH LẬP VÀ ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG BA

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2010



Thứ trưởng thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang trao Huân chương Độc lập hạng Ba cho Công ty TNHH NN MTV khảo sát và xây dựng tại buổi Lễ



Chủ tịch Công đoàn XĐVN Nguyễn Văn Bình trao Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các tập thể và cá nhân của Công ty tại buổi Lễ

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI MỘT

20

SỐ 20 - 10/2010



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 1873/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 5
- Quyết định số 1874/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt định hướng phát triển chiếu sáng đô thị Việt Nam đến năm 2025 6
- Thông tư số 18/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn trong hoạt động xây dựng 8
- Thông tư số 34/2010/TT-BCT của Bộ Công Thương Quy định về Quản lý an toàn đập của công trình thủy điện 10

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh 11
- Quyết định số 38/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang 14

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài:
+ Tiêu chuẩn thiết kế: Hệ thống tuynen kỹ thuật hạ tầng cho đường đô thị 17

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN **(Phó ban)**

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.BÙI THỊ QUỲNH ANH

CN.HOÀNG ĐẠI HẢI

CN.NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

+ *Nghiệm thu dự án cấp Nhà nước "Nghiên cứu thiết kế, chế tạo các thiết bị chủ yếu cho dây chuyền đồng bộ sản xuất xi măng lò quay công suất 2.500T/ngày, thay thế nhập ngoại, thực hiện tiến trình nội địa hóa"* 18

- Hội thảo về các tiêu chuẩn bê tông khí (ACC) 20

- Báo cáo thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công 21

Dự án xây dựng quốc lộ 3 mới - giai đoạn 1

- Những phát triển mới nhất của Công ty Polysius 22

liên quan đến việc xử lý những nguyên liệu khó xử lý

- Thiết kế Nhà sinh thái ở Đan Mạch 24

- Phân tích những vấn đề về an toàn trong thiết kế xây dựng nhà cao tầng ở Trung Quốc 28

Thông tin

- Công ty TNHH nhà nước một thành viên khảo sát và xây dựng kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba 31

- Tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của Tổng Công ty DIC và Tổng Công ty LICOGI giai đoạn 2006 -2010, kế hoạch 2011 -2015 33

- Thị xã Cao Bằng được công nhận là đô thị loại III 36

- Thị xã Sông Công được công nhận là đô thị loại III 37

- Xây dựng đô thị tiết kiệm nước - kinh nghiệm của thành phố Giang Dương - Trung Quốc 38

- Phát triển đô thị "vườn sinh thái" ở thành phố Cù Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc 42

- Việc khắc phục những khuyết thiếu trong hệ thống xử lý nước thải ở các thị trấn nhỏ thuộc địa khu Tô Nam, Trung Quốc 46

VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 1873/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020

Ngày 11/10/2010 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1873/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 bao gồm ranh giới hành chính của 4 tỉnh, thành phố: thành phố Cần Thơ, tỉnh: An Giang, Kiên Giang và Cà Mau với tổng diện tích tự nhiên là 16.617 km². Đối tượng được quy hoạch là địa điểm xây dựng khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và y tế.

Quy hoạch đến năm 2015: tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 4.600 tấn/ngày, trong đó chất thải rắn sinh hoạt: 4.260 tấn/ngày; chất thải rắn công nghiệp: 300 tấn/ngày và chất thải rắn y tế: 40 tấn/ngày.

Quy hoạch đến năm 2010: tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 7.550 tấn/ngày, trong đó chất thải rắn sinh hoạt: 6.500 tấn/ngày; chất thải rắn công nghiệp: 1000 tấn/ngày và chất thải rắn y tế: 50 tấn/ngày.

Quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long phải phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan của vùng, tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quy hoạch xây dựng khu xử lý chất thải rắn vùng liên tỉnh để xử lý chất thải rắn nguy hại. Quy hoạch xây dựng các khu xử lý chất thải rắn tập

trung trong tỉnh để xử lý chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp và y tế thông thường. Sử dụng công nghệ xử lý chất thải rắn phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, ưu tiên áp dụng công nghệ tái chế, tái sử dụng chất thải rắn, hạn chế chôn lấp nhằm xử lý triệt để ô nhiễm môi trường và tăng hiệu quả sử dụng đất. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng và quản lý các hoạt động thu gom, xử lý chất thải rắn.

Mục tiêu của việc quy hoạch là xác định vị trí quy mô các khu xử lý chất thải rắn cấp vùng liên tỉnh, vùng tỉnh phù hợp, đảm bảo đến năm 2015 có 90% và đến năm 2020 có 100% chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị, khu công nghiệp thuộc Vùng kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long được thu gom và xử lý. Xã hội hóa công tác quản lý chất thải rắn, huy động các nguồn lực tham gia đầu tư các công trình xử lý và quản lý chất thải rắn, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội ổn định, bền vững trong vùng và cả nước.

Quyết định này cũng quy định những công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt được sử dụng căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương để áp dụng cho phù hợp: công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh áp dụng đối với các loại rác hỗn hợp có thành phần độc hại không đáng kể, khu vực có diện tích đất lớn; Công nghệ chế biến phân compost áp dụng đối với khu vực có diện tích chôn lấp nhỏ và lượng chất thải rắn hữu cơ lớn; Công nghệ tái chế áp dụng đối với các loại rác

còn giá trị sử dụng sau khi được xử lý về mặt kỹ thuật; Công nghệ đốt áp dụng đối với loại rác có độ ẩm thấp, dễ cháy và độc hại. Đối với chất thải rắn công nghiệp và y tế sử dụng công nghệ xử lý triệt để, đặc biệt là chất thải nguy hại, cần xử lý tập trung kết hợp nhiều quy trình công nghệ khác nhau như: các công nghệ phụ trợ xử lý chất thải rắn công nghiệp nguy hại bao gồm phân loại và xử lý cơ học, xử lý hóa - lý; Công nghệ khử khuẩn xử lý chất thải rắn y tế bị nhiễm khuẩn; Công nghệ đốt xử lý chất thải rắn y tế nguy hại và một số chất thải rắn công nghiệp nguy hại (dạng hữu cơ); Công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh áp dụng cho chất thải rắn công nghiệp và y tế thông thường, chất thải rắn công nghiệp nguy hại khác và tro đốt chất thải rắn y tế nguy hại sau khi cố định và hóa rắn.

Dự án quy hoạch được chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 2010-2015: rà soát, xây dựng lộ trình đóng cửa các bãi rác hiện hữu không đảm bảo về mặt môi trường theo quy trình; Rà soát lại các dự án có liên quan đến lĩnh vực thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn theo định hướng chung của vùng; Rà soát, điều chỉnh hoặc lập mới Quy hoạch quản lý chất thải rắn tại các tỉnh trong vùng phù hợp với quy hoạch này; Lập dự án thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn (tập trung tại các đô thị cấp tỉnh) đồng thời thực hiện chương trình vận động cộng đồng cùng tham gia; Chuẩn bị quỹ đất, triển khai lập dự án

đầu tư cơ sở hạ tầng cho các khu xử lý chất thải rắn vùng tỉnh và liên tỉnh.

- Giai đoạn 2015-2020: Nhân rộng và triển khai các dự án thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn (tập trung tại các đô thị cấp tỉnh) song song chương trình vận động cộng đồng cùng tham gia; Lựa chọn công nghệ, trang thiết bị phù hợp từng điều kiện đặc thù của địa phương; Đầu tư xây dựng các khu xử lý chất thải rắn cấp tỉnh, và liên tỉnh trong vùng.

Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và để phòng sự cố môi trường, các dự án sẽ thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn đối với các phương tiện vận chuyển, thi công cơ giới trên công trường và dọc tuyến đường vận chuyển. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải rắn trên công trường. Áp dụng các biện pháp phòng chống tai nạn, sự cố trong quá trình xây dựng, phòng chống ảnh hưởng của dự án đến nguồn nước ngầm trong khu vực.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn và các công trình phụ trợ bao gồm: vốn ngân sách, vốn ODA, vốn tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư, vốn từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các nguồn vốn hợp pháp khác.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 1874/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt định hướng phát triển chiếu sáng đô thị Việt Nam đến năm 2025

Ngày 11/10/2010 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1874/QĐ-TTg Phê duyệt định hướng phát triển chiếu sáng đô thị Việt Nam đến năm 2025 theo quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển đô thị, từng bước hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng chiếu sáng đô thị. Đối mới công

nghệ, sử dụng năng lượng mới, tái tạo trong chiếu sáng đô thị nhằm tiết kiệm điện năng, góp phần phục vụ công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và tạo dựng hình ảnh đô thị Việt Nam có bản sắc, văn minh hiện đại.

Phát triển chiếu sáng đô thị gắn liền với phát triển đô thị, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh

tế, cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống và đảm bảo văn minh đô thị; Phát triển chiếu sáng đô thị kết hợp cải tạo với xây dựng mới, đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; Nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nhất là việc khai thác, sử dụng các nguồn năng lượng mới, tái tạo trong hoạt động chiếu sáng đô thị nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng điện – năng lượng và bảo vệ môi trường; Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư, sản xuất và sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao tiết kiệm điện.

Cụ thể mục tiêu đến năm 2015 nâng cao chất lượng chiếu sáng đô thị và sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện; nghiên cứu và từng bước sử dụng năng lượng mặt trời trong chiếu sáng công cộng đô thị: 80% các công trình giao thông, không gian công cộng, quảng cáo hiện có tại các đô thị loại đặc biệt và loại I; 60% các công trình giao thông, không gian công cộng và quảng cáo hiện có tại các đô thị loại II sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện. 100% các công trình giao thông, không gian công cộng xây dựng mới sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện. Khuyến khích sử dụng thiết bị, nguồn sáng sử dụng năng lượng mặt trời đạt tiêu chuẩn tại các đô thị.

Đối với các công trình giao thông yêu cầu phải được chiếu sáng đầy đủ với các chức năng định vị và dẫn đường; thiết kế chiếu sáng có tính thẩm mỹ cao; thuận tiện, an toàn trong quá trình sử dụng và bảo đảm các chỉ tiêu: Các đô thị loại đặc biệt và loại I tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính cấp đô thị và đường phố cấp khu vực đạt 100% chiều dài đường, phần đầu nâng tỷ lệ chiếu sáng ngõ, xóm (có chiều rộng từ 2m trở lên) đạt 85% chiều dài đường; Đô thị loại II và loại III tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính cấp đô thị đạt 95-100% chiều dài đường, 80-85% chiều dài đường phố cấp khu vực, ngõ xóm đạt 70-75% chiều dài đường; Đô thị loại IV và V tỷ lệ

chiếu sáng đường phố chính cấp đô thị và khu vực đạt tỷ lệ 80-85% chiều dài đường, phần đầu nâng tỷ lệ chiếu sáng ngõ, xóm đạt 60-65% chiều dài đường.

Chiếu sáng không gian công cộng đô thị, chiếu sáng quảng cáo, trang trí phải đảm bảo các yêu cầu về ánh sáng, an toàn góp phần bảo vệ an ninh. Hoàn thành quy hoạch chiếu sáng đô thị cho các đô thị trực thuộc trung ương. Thực hiện việc hạ ngầm đường dây cấp điện chiếu sáng tại các đô thị loại đặc biệt, loại I và loại II, từng bước thực hiện việc hạ ngầm đường dây cấp điện chiếu sáng đối với các đô thị còn lại.

Đến năm 2025 mục tiêu tiếp tục nâng cao chất lượng chiếu sáng đô thị đảm bảo 100% các công trình giao thông, không gian công cộng và quảng cáo tại các đô thị (bao gồm: xây mới, cải tạo, nâng cấp) sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện, trong đó phần đầu từ 30% đến 50% các công trình sử dụng đèn năng lượng mặt trời đạt tiêu chuẩn. Chiếu sáng các công trình giao thông ở các đô thị loại đặc biệt và loại I đạt tỷ lệ 100% chiều dài đường; đô thị loại II và loại III đạt tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính cấp đô thị là 100% chiều dài đường, 95% chiều dài đường phố cấp khu vực và phần đầu nâng tỷ lệ chiếu sáng ngõ, xóm đạt 80-85%; đô thị loại IV và V đạt tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính cấp đô thị và khu vực là 85-90% chiều dài đường, phần đầu nâng tỷ lệ chiếu sáng ngõ, xóm đạt 75% chiều dài đường. Xây dựng các trung tâm điều khiển chiếu sáng công cộng cho các đô thị loại III và loại IV. Hoàn thành việc hạ ngầm toàn bộ đường dây cấp điện chiếu sáng tại các đô thị.

Các cơ quan, ban ngành liên quan chịu trách nhiệm nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị, sử dụng năng lượng mới trong chiếu sáng đô thị, đầu tư dây chuyền công nghệ tiên tiến

sản xuất các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện đạt tiêu chuẩn, đa dạng về chủng loại và đẹp về mẫu mã đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước và xuất khẩu. Xây dựng cơ chế chính sách huy động vốn đóng góp của người dân và nhà nước cùng thực hiện đầu tư xây dựng mới, cải tạo và nâng cấp chiếu sáng ngõ, hẻm trong đô thị. Ưu tiên nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, địa phương để phát triển hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị với các hình thức khác nhau theo quy định hiện hành.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, nghiên cứu áp dụng các giải pháp kỹ thuật đồng bộ, hiện đại hóa công nghệ chiếu sáng đô thị bao gồm: Tiến hành rà soát lại toàn bộ hệ thống các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia chiếu sáng hiện hành, trên cơ sở đó bổ sung, hoàn thiện và ban hành các quy chuẩn tiêu chuẩn mới; Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ kỹ thuật cao để sản xuất các sản phẩm chiếu sáng đồng bộ đạt chất lượng cao, đa dạng về chủng loại và đẹp về mẫu mã; Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện việc ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) công nghệ mới nhằm nâng cao năng lực tư vấn, thiết kế, giám sát chất lượng, quản lý và vận hành hệ thống chiếu sáng đô thị.

Nghiên cứu xây dựng Trung tâm thử nghiệm, đo lường và kiểm định chất lượng ánh sáng đạt tiêu chuẩn quốc tế. Nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về chiếu sáng đô thị nhằm thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp các thông tin, dữ liệu phục vụ cho công tác quản lý, nghiên cứu, tư vấn, thiết kế và sản xuất. Tăng cường các hoạt động liên ngành trong phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ, tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, nâng cao dân trí về sử dụng tiết kiệm điện và sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao. Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về chiếu sáng đô thị và chiếu sáng công cộng đô thị.

Xây dựng chính sách đào tạo nguồn nhân lực bao gồm đào tạo cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật về vận hành, bảo trì chiếu sáng đô thị. Tăng cường công tác trao đổi thông tin, phổ biến áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xây dựng cơ chế, chính sách, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chiếu sáng đô thị hiệu suất cao, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về chiếu sáng đô thị.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Thông tư số 18/2010/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn trong hoạt động xây dựng

Ngày 15/10/2010 Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 18/2010/TT-BXD Quy định việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài (gọi chung là quy chuẩn, tiêu chuẩn) trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam.

Thông tư này áp dụng cho các tổ chức, cá

nhân trong nước và nước ngoài khi áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hoạt động xây dựng tại Việt Nam phải tuân thủ theo các quy định của Thông tư này.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bắt buộc áp dụng trong các hoạt động xây dựng bao gồm: khảo sát và thí nghiệm chuyên ngành xây

dựng; quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng; thiết kế, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng; sản xuất, xuất nhập khẩu và lưu thông sản phẩm hàng hóa vật liệu xây dựng.

Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài được áp dụng trong hoạt động xây dựng theo nguyên tắc tự nguyện, ngoại trừ các tiêu chuẩn được trích dẫn trong quy chuẩn hoặc văn bản quy phạm pháp luật. Việc áp dụng tiêu chuẩn phải đảm bảo các yếu cầu gồm: Đảm bảo tính đồng bộ và tính khả thi của hệ thống các tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án trong toàn bộ quá trình khảo sát, thí nghiệm, thiết kế, sản xuất và chế tạo, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng; Phải phù hợp với các yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định của pháp luật; Trong trường hợp chưa có quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài phải phù hợp với yêu cầu được nêu trong các tiêu chuẩn quốc gia bắt buộc áp dụng do các bộ, ngành quy định.

Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước, ưu tiên sử dụng các tiêu chuẩn quốc gia. Trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn quốc gia, người quyết định đầu tư có thể xem xét, chấp thuận tiêu chuẩn nước ngoài.

Tiêu chuẩn được áp dụng trực tiếp trong các hoạt động xây dựng, khuyến khích áp dụng tiêu chuẩn với phiên bản mới nhất. Có thể áp dụng tiêu chuẩn một cách gián tiếp thông qua việc thực hiện các quy định trong các tài liệu và hướng dẫn kỹ thuật, trong đó có viện dẫn toàn bộ hoặc một phần nội dung tiêu chuẩn đó.

Trong nội dung của dự án đầu tư xây dựng, hệ thống các tiêu chuẩn xây dựng kiến nghị áp dụng bao gồm: Danh mục mã số hiệu và tên các tiêu chuẩn; Đối với tiêu chuẩn hoặc hướng dẫn của nước ngoài, cần có toàn văn tiêu chuẩn hoặc hướng dẫn dưới dạng bản mềm

hoặc bản in, kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh cho phần nội dung sử dụng; Thuyết minh sự đáp ứng của các tiêu chuẩn so với các yêu cầu đã nêu trong Thông tư này. Đối với các chỉ dẫn kỹ thuật (technical guidelines) hoặc các tài liệu hướng dẫn (recommendations) của các tổ chức nước ngoài cho các giải pháp công nghệ mới khi chưa được ban hành thành các tiêu chuẩn, cần phải giải trình về: tên giải pháp kỹ thuật - công nghệ; các kết quả nghiên cứu và thực nghiệm; các công trình đã áp dụng các chỉ dẫn kỹ thuật hoặc tài liệu hướng dẫn; bản quyền tác giả về giải pháp kỹ thuật - công nghệ; tính khả thi trong điều kiện kinh tế - kỹ thuật và công nghệ của Việt Nam.

Người quyết định đầu tư xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về việc áp dụng hệ thống các tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở hoặc hệ thống tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài cho các hoạt động xây dựng do mình quản lý.

Công tác thanh tra, kiểm tra việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn cho các hoạt động xây dựng tại các địa phương được tiến hành theo quy định của pháp luật. Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm: sự tuân thủ các quy định của Thông tư này; sự tuân thủ các quy định của quy chuẩn và nội dung của tiêu chuẩn xây dựng đã được chấp thuận áp dụng. Khi phát hiện vi phạm các quy định tại Thông tư này, cơ quan thanh tra, kiểm tra của địa phương có trách nhiệm lập biên bản tạm thời đình chỉ hoạt động xây dựng và yêu cầu chủ đầu tư có biện pháp khắc phục, tiến hành xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/12/2010. Thông tư này thay thế Thông tư số 40/2009/TT-BXD ngày 09/12/2009 của Bộ Xây dựng Quy định việc áp dụng tiêu chuẩn xây dựng nước ngoài trong hoạt động xây dựng ở Việt Nam.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Thông tư số 34/2010/TT-BCT của Bộ Công Thương Quy định về Quản lý an toàn đập của công trình thủy điện

Ngày 7/10/2010 Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 34/2010/TT-BCT quy định về quản lý đập của công trình thủy điện bao gồm: kiểm tra chứng nhận chất lượng xây dựng đập, báo cáo hiện trạng an toàn đập, quan trắc đập, kiểm định đập, các biện pháp bảo đảm an toàn đập và vùng hạ du đập. Thông tư này áp dụng đối với các chủ đập công trình thủy điện và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý an toàn đập của công trình thủy điện.

Các đập của công trình thủy điện phải thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng xây dựng theo quy định tại Thông tư số 16/2008/TT-BXD ngày 11/9/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng. Đập từ cấp II trở lên, ngoài chứng nhận sự phù hợp về chất lượng xây dựng khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng ở địa phương, bắt buộc phải có chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực trước khi đưa vào sử dụng.

Chủ đập thực hiện việc đăng ký an toàn đập tại Sở Công Thương trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào sử dụng, đồng thời gửi tờ khai đăng ký an toàn đập cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nội dung nghiệm thu được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP.

Chủ đập thực hiện việc đăng ký an toàn đập tại Sở Công Thương trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng để đưa vào sử dụng, đồng thời gửi tờ khai

đăng ký an toàn đập cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hàng năm, chủ đập phải lập báo cáo hiện trạng an toàn đập gửi Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; đối với hồ chứa nước của công trình thủy điện có dung tích trữ bằng hoặc lớn hơn 10.000.000 m³, ngoài việc gửi báo cáo về Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chủ đập phải gửi báo cáo về Bộ Công Thương (Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp) để theo dõi, quản lý theo quy định. Nội dung và thời hạn báo cáo quy định tại Nghị định số 72/2007/NĐ-CP.

Chủ đập tổ chức thực hiện quan trắc, ghi chép và lưu trữ các thông số quan trắc được lắp đặt tại công trình đập và thu thập các thông tin về khí tượng, thủy văn liên quan theo quy định hiện hành; cập nhật thông tin dự báo dòng chảy đến công trình. Kiểm định lần đầu được thực hiện trong năm thứ 2 tính từ ngày hồ chứa tích nước lần đầu đến mực nước dâng bình thường. Hồ chứa nước của công trình thủy điện có dung tích trữ bằng hoặc lớn hơn 10.000.000 m³, định kỳ không quá 10 năm kể từ lần kiểm định gần nhất phải kiểm định đập theo nội dung kiểm định quy định tại Thông tư này. Hồ chứa nước của công trình thủy điện có dung tích trữ nhỏ hơn 10.000.000 m³, định kỳ không quá 7 năm kể từ lần kiểm định gần nhất phải kiểm định đập theo nội dung kiểm định quy định tại Thông tư này.

Tính toán kiểm tra ổn định đập theo hiện trạng công trình ứng với trường hợp mức nước dâng bình thường, mức nước gia cường (mức nước lũ thiết kế, kiểm tra) và các trường hợp khác phù hợp với quy định về thiết kế công trình; Tính toán kiểm tra cho đập hoặc bộ phận kết cấu công trình mà trạng thái làm việc có dấu hiệu thay đổi đột biến, bất thường thể hiện qua

các kết quả quan trắc thắm, chuyển vị của đập, hoặc đập bị hư hỏng nặng hoặc các hư hỏng đã có từ trước và diễn biến theo chiều hướng xấu; Đề xuất các biện pháp tăng cường đảm bảo ổn định, an toàn công trình.

Phân tích, đánh giá về tình trạng bồi lắng của hồ chứa trên cơ sở các số liệu quan trắc, đo đạc trong quá khứ; phân bố bồi lắng theo các mặt cắt quan trắc bồi lắng trên hồ, dự báo bồi lắng và tuổi thọ hồ chứa; Tính toán lũ, khả năng xả lũ của hồ chứa theo tiêu chuẩn thiết kế đập hiện hành và tài liệu khí tượng thủy văn và các thay đổi về địa hình, địa mạo đã được cập nhật; Tính toán kiểm tra khả năng xả lũ của đập tràn với dòng chảy lũ thiết kế, lũ kiểm tra đã được kiểm định; Đánh giá khả năng phòng chống lũ của công trình.

Chủ đập có trách nhiệm xây dựng phương án bảo vệ đập và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời chủ đập cũng chịu trách nhiệm quản lý, sửa chữa mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập; trong phạm vi còn lại của vùng phụ cận đập, cấm các hoạt động gây mất an toàn cho đập hoặc cản trở việc quản lý, vận hành đập.

Chủ đập chịu trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng phương án phòng

chống lũ lụt cho vùng hạ du đập do xả lũ hồ chứa hoặc sự cố đập, trình UBND cấp tỉnh phê duyệt theo địa bàn; Nội dung phương án phải liệt kê được các đối tượng bị ảnh hưởng, mức độ ảnh hưởng và biện pháp đối phó, khắc phục hậu quả phù hợp với từng tình huống lũ khác nhau. Trong suốt mùa lũ, chủ đập phải có quy chế phối hợp với tổ chức dự báo khí tượng thủy văn khu vực để có đầy đủ thông tin về bão lũ. Đồng thời, chủ đập phải thường xuyên duy trì liên lạc và thực hiện chế độ báo cáo theo yêu cầu của UBND tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn địa phương, Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn Bộ Công Thương.

Chủ đập chịu trách nhiệm lắp đặt các hệ thống cảnh báo và thông báo tới các chủ đập phía thượng/hạ lưu; báo cáo ngay UBND tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn địa phương trong trường hợp nguy hiểm sắp xảy ra do đập hư hỏng hoặc nguy cơ vỡ đập.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/11/2010.

(Xem toàn văn tại: www.moit.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 14/9/2010 UBND thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 68/2010/QĐ-UBND ban hành Quy định về cấp giấy phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Quy định này điều chỉnh các hoạt động liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng và

quản lý xây dựng theo giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh phải thực hiện theo Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Việc cấp giấy phép xây dựng tạo điều kiện

thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư xây dựng công trình (chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn thiết kế, nhà thầu xây dựng chấp hành đúng quy định pháp luật, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình thông qua giấy phép xây dựng.

Công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị, phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng hiệu quả đất đai xây dựng công trình. Làm căn cứ để kiểm tra quá trình thực hiện xây dựng và xử lý các vi phạm về trật tự xây dựng, lập biên bản nghiệm thu, bàn giao sử dụng và đăng lý sở hữu công trình.

Trước khi khởi công xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng, trừ trường hợp xây dựng các công trình: Công trình thuộc bí mật Nhà nước; Công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp; Công trình tạm phục vụ thi công xây dựng công trình chính, bao gồm công trình của chủ đầu tư và công trình tạm của nhà thầu nằm trong sơ đồ tổng mặt bằng công trường xây dựng đã được phê duyệt; Công trình xây dựng theo tuyến không đi qua đô thị nhưng phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt; Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, thủ trưởng cấp Bộ, Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư (hoặc cơ quan được ủy quyền) phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; trừ công trình chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; Công trình xây dựng thuộc dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nhà ở có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực và an toàn của công trình; công trình nâng nền, nâng gác, nâng mái phù hợp tiêu chuẩn xây dựng;

xây dựng lại tường bao che bị hư hỏng theo nguyên trạng; công trình gia cố, cải tạo chống nghiêng, lún, nứt không làm thay đổi quy mô diện tích, không ảnh hưởng đến kết cấu; Công trình hạ tầng kỹ thuật quy mô nhỏ, có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng thuộc vùng sâu, vùng xa không nằm trong các khu vực bảo tồn di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; Nhà ở riêng lẻ tại vùng sâu, vùng xa không thuộc đô thị, không thuộc điểm dân cư tập trung; nhà ở riêng lẻ tại các điểm dân cư nông thôn chưa có quy hoạch xây dựng được duyệt; Công trình xây dựng trên đất nông nghiệp của hộ nông dân (có mục đích sử dụng là đất nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai), không thuộc quy hoạch xây dựng đô thị, không thuộc quy hoạch điểm dân cư nông thôn, nhằm mục đích phục vụ nông nghiệp.

Quy mô xây dựng là dạng công trình tạm bán kiên cố, 01 tầng (tường gạch, mái tôn; hoặc khung thép, bao che bằng tôn, lá, tấm nhựa; hoặc bằng vật liệu gỗ, tranh, tre, nứa, lá), diện tích xây dựng phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương do UBND huyện quy định. Chủ đầu tư phải thực hiện đăng ký xây dựng tại UBND xã nơi công trình xây dựng để được kiểm tra việc xây dựng theo đúng quy định.

Đối với công trình có một phần phù hợp quy hoạch xây dựng đủ điều kiện được cấp phép xây dựng, phần còn lại không phù hợp quy hoạch xây dựng nếu chủ đầu tư có nhu cầu xin phép xây dựng tạm, thì tại giấy phép xây dựng phải thể hiện thêm phần xây dựng tạm (có kết cấu tách biệt với kết cấu khối nhà chính), chủ đầu tư phải có cam kết tháo dỡ không bồi thường đối với phần được phép xây dựng tạm theo đúng quy định.

Đối với công trình có nguồn gốc là biệt thự cũ (đã xây dựng trước năm 1975): phải có văn bản chấp thuận phá dỡ công trình cũ để xây dựng mới của UBND thành phố trên cơ sở tờ trình của Sở Quy hoạch - Kiến trúc, cho đến khi có quy định về quản lý quy hoạch xây dựng đối

với nhà biệt thự được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Việc cấp giấy phép xây dựng phải đáp ứng các điều kiện sau: Phù hợp với quy hoạch xây dựng được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và công bố; Bảo đảm quy định về độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý theo quy định tại Nghị định số 20/2009/NĐ-CP ngày 23/02/2009 của Chính phủ; Bảo đảm các quy định về chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; độ cao tính không; thiết kế đô thị (tại những khu vực đã có thiết kế đô thị); yêu cầu về phạm vi an toàn đối với công trình xung quanh; hành lang bảo vệ các công trình giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật; hành lang bảo vệ sông, kênh, rạch, thủy lợi, đê điều, năng lượng, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa và khu vực bảo vệ các công trình khác theo quy định của pháp luật; Các công trình xây dựng trong khu bảo tồn di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa phải bảo đảm mật độ xây dựng, đất trồng cây xanh, nơi để các loại xe, không làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường; Công trình sửa chữa, cải tạo không làm ảnh hưởng đến các công trình lân cận về kết cấu, khoảng cách đến các công trình xung quanh, cấp nước, thoát nước, thông thoáng, ánh sáng, vệ sinh môi trường, phòng, chống cháy, nổ; Bảo đảm khoảng cách theo quy định đối với công trình vệ sinh, kho chứa hóa chất độc hại, các công trình khác có khả năng gây ô nhiễm môi trường, không làm ảnh hưởng đến người sử dụng ở các công trình liền kề xung quanh; Khi xây dựng, cải tạo các đường phố phải xây dựng hệ thống tuy nèn ngầm để lắp đặt đồng bộ hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật; cốt xây dựng mặt đường phải tuân thủ theo cốt xây dựng của quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị.

Đối với công trình nhà cao tầng cấp đặc biệt, cấp I phải có thiết kế tầng hầm, trừ các trường hợp khác có yêu cầu riêng về thiết kế tầng hầm. Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình

(không sử dụng vốn ngân sách nhà nước), việc lấy ý kiến về thiết kế cơ sở do người quyết định đầu tư quyết định khi thấy cần thiết.

Việc cấp giấy phép xây dựng tạm chỉ áp dụng đối với những vùng đã có quy hoạch xây dựng được duyệt và công bố nhưng chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quy hoạch; chủ đầu tư có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định tại Quy định này, nếu có nhu cầu xây dựng thì được xét cấp giấy phép xây dựng tạm với quy mô tối đa 05 tầng; nhưng phải phù hợp với Quy chuẩn xây dựng, Tiêu chuẩn xây dựng, các quy định về kiến trúc, cảnh quan đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; đảm bảo các quy định về phòng cháy, chữa cháy và vệ sinh môi trường. Chủ đầu tư phải cam kết và thực hiện tháo dỡ không điều kiện nhà ở, công trình xây dựng khi Nhà nước triển khai thực hiện quy hoạch. Khi giải phóng mặt bằng để thực hiện theo quy hoạch xây dựng được duyệt, chủ đầu tư phải tự phá dỡ công trình, nhà ở, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế phá dỡ và chủ đầu tư phải chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ công trình. Việc bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện quy hoạch áp dụng theo quy định hiện hành; riêng phần xây dựng theo giấy phép xây dựng tạm thì không được bồi thường.

Giám đốc Sở Xây dựng cấp Giấy phép xây dựng đối với các công trình sau: Công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I, cấp II; công trình Tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa; công trình tượng đài, tranh hoành tráng; những công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; công trình thuộc dự án mà theo quy định phải xin cấp giấy phép xây dựng và các công trình khác theo chỉ đạo của UBND thành phố, trừ những công trình không phải xin cấp giấy phép xây dựng quy định tại Quy định này.

UBND quận – huyện cấp giấy phép xây dựng đối với tất cả các công trình còn lại; các

công trình chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật do UBND quận - huyện quyết định đầu tư; công trình tín ngưỡng và nhà ở riêng lẻ thuộc phạm vi địa giới hành chính do quận - huyện quản lý, trừ các công trình quy định không phải xin cấp giấy phép xây dựng tại Quy định này.

UBND xã cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ ở những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt, những điểm dân cư theo quy định của UBND cấp huyện phải cấp giấy phép xây dựng thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý. UBND phường - xã, thị trấn tiếp nhận hồ sơ đăng ký xây dựng, sửa chữa, cải tạo đối với những công trình mà theo quy định không phải xin cấp giấy phép xây dựng.

Giấy phép xây dựng được cấp trong thời hạn không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với nhà ở riêng lẻ thì thời hạn cấp giấy phép xây dựng không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Giấy phép xây dựng được lập thành 02 bản chính, 01 bản cấp cho chủ đầu tư và 01 bản lưu tại cơ quan cấp giấy phép xây dựng. Trước khi trao giấy phép xây dựng cho chủ đầu tư, cơ quan cấp giấy phép xây dựng phải thu lệ phí và phí xây dựng theo quy định của Bộ Tài chính và UBND thành phố.

Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép xây dựng mà công trình chưa đủ

điều kiện khởi công theo quy định, thì chủ đầu tư phải xin gia hạn giấy phép xây dựng. Quá thời hạn nêu trên, nếu quy hoạch xây dựng, các quy định về cấp giấy phép xây dựng và kiến trúc, cảnh quan được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và ban hành vẫn không thay đổi, thì cơ quan cấp giấy phép xây dựng xem xét, giải quyết gia hạn giấy phép xây dựng cho chủ đầu tư.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến, các sở - ngành và tổ chức được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng. Quá thời hạn nêu trên nếu không có văn bản trả lời thì xem như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả xảy ra do việc không trả lời hoặc trả lời chậm trễ. Các đơn vị quản lý, cung cấp các dịch vụ điện, nước, các hoạt động kinh doanh và các hoạt động dịch vụ khác có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng trong việc xử lý các công trình xây dựng sai phép, xây dựng không có giấy phép.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 04/2006/QĐ-UBND ngày 17/01/2006 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

(Xem toàn văn tại: www.hochiminh.gov.vn)

Quyết định số 38/2010/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang

Ngày 4/10/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Quyết định số 28/2010/QĐ-UBND về Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang.

Quy chế này quy định về công tác phối hợp giữa Sở Công Thương với các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở, ngành) và UBND các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp

huyện) để quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang về quy hoạch, bổ sung quy hoạch, thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; đầu tư sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong cụm công nghiệp.

Quyết định áp dụng đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, kinh

doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức khác thực hiện các công việc liên quan tới quản lý và hoạt động của cụm công nghiệp.

Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch liên quan khác trên địa bàn tỉnh, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện xây dựng Đề án Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp (gọi tắt là Đề án quy hoạch) trên địa bàn, trình UBND tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến thoả thuận của Bộ Công thương.

Xây dựng Đề án quy hoạch là xây dựng hệ thống các mục tiêu, định hướng, giải pháp và cơ chế chính sách về phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong từng thời kỳ nhất định, nhằm phân bố, phát triển các cụm công nghiệp hợp lý trên cơ sở sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn lực, tài nguyên của tỉnh. Đề án quy hoạch được lập cho mỗi giai đoạn 10 năm, có xét triển vọng 5 năm tiếp theo. Thời hạn xem xét điều chỉnh Đề án quy hoạch thực hiện 5 năm một lần.

Ngành nghề khuyến khích đầu tư vào cụm công nghiệp gồm: Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; Ngành nghề sản xuất sản phẩm mới; Sản xuất hàng xuất khẩu, sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, tăng thu ngoại tệ cho ngân sách địa phương; Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động, trước hết là lao động tại địa phương; Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị phục vụ nông nghiệp, nông thôn; Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và dịch vụ cho các cơ sở công nghiệp khác; Cơ sở sản xuất áp dụng công nghệ tiên tiến, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, thân thiện với môi trường; Cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm cần di dời

ra khỏi làng nghề, khu dân cư; Khôi phục, phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống của tỉnh; Cơ sở dịch vụ phục vụ sản xuất của các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Các lĩnh vực, ngành nghề khác được khuyến khích theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh trên nguyên tắc không được vượt khung quy định của pháp luật.

Trình tự đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2009/TT-BCT. Trước khi lập dự án đầu tư xây dựng, đơn vị kinh doanh hạ tầng phải tiến hành lập quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp. Nội dung, trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện như khu công nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế. Việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2009/TT-BCT.

Việc phối hợp quản lý nhà nước dựa trên cơ sở, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, UBND cấp huyện, các quy định hiện hành nhằm đảm bảo sự thống nhất tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong quá trình đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

UBND tỉnh có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn gồm: Phê duyệt quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng cụm công nghiệp trên địa bàn; quyết định sử dụng vốn ngân sách địa phương hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp; Chấp thuận chủ trương lựa chọn đơn vị kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp; phê duyệt thành lập cụm công nghiệp trên địa bàn; Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp sử dụng vốn ngân sách Nhà nước theo quy định tại Quyết định số 52/2009/QĐ-UBND ngày 20

tháng 11 năm 2009 của UBND tỉnh; Ban hành theo thẩm quyền và chỉ đạo thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp phù hợp với điều kiện của địa phương; Chỉ đạo các ngành, các cấp thuộc tỉnh kịp thời hỗ trợ các nhà đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư, giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, bưu chính viễn thông, nhà ở công nhân; Chỉ đạo xây dựng các chương trình phối hợp, liên kết với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan để thu hút đầu tư phát triển các cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp theo vùng lãnh thổ; Chỉ đạo xử lý và giải quyết những vấn đề vướng mắc trong quá trình thành lập, điều hành, quản lý hoạt động của cụm công nghiệp vượt thẩm quyền của các Sở, ngành, UBND cấp huyện; Thống kê, đánh giá định kỳ về tình hình hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn, báo cáo Bộ Công Thương; khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích xây dựng, phát triển cụm công nghiệp.

Các Sở, ngành liên quan tùy theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình chủ động hỗ trợ, phối hợp với UBND cấp huyện giải quyết các vấn đề liên quan đến cụm công nghiệp. Đối với nhiệm vụ xây dựng Đề án Quy hoạch, điều chỉnh Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện lập hoặc thuê cơ quan tư vấn

lập, tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt, sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Công Thương.

Đối với nhiệm vụ bổ sung Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp, UBND cấp huyện lập gửi Sở Công Thương để tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến thỏa thuận của Bộ Công Thương. Đối với nội dung thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, UBND cấp huyện lập hồ sơ nộp Sở Công Thương để tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định. Đối với các nội dung khác có liên quan, Sở chủ trì có trách nhiệm tiếp nhận và xử lý hồ sơ, tùy theo mô hình, tính chất từng dự án có thể tổ chức họp hoặc lấy ý kiến các Sở, ngành có liên quan bằng văn bản và trình UBND tỉnh quyết định. Các cơ quan quản lý chuyên ngành khi nhận được văn bản đề nghị có ý kiến phải có trách nhiệm xem xét trả lời đúng hạn và chịu trách nhiệm về ý kiến đó. Cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành cấp huyện tiếp nhận, xử lý các hồ sơ theo thẩm quyền.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 37/2007/QĐ-UBND ngày 07/8/2007 của UBND về việc ban hành Quy chế quản lý Khu - cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện, thị, thành phố tỉnh An Giang.

(Xem toàn văn tại: www.angiang.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài:

Tiêu chuẩn thiết kế: Hệ thống tuynen kỹ thuật hạ tầng cho đường đô thị

Ngày 13/10/2010, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu tiêu chuẩn thiết kế: “Hệ thống Tuynen kỹ thuật hạ tầng cho đường đô thị” do GS.TSKH Trần Hữu Uyển – Trường Đại học Xây dựng Hà Nội làm chủ nhiệm đề tài.

Theo đánh giá chung, các đô thị ở Việt Nam đang phát triển nhanh với tốc độ đô thị hoá cao, nhưng phần lớn không đồng bộ, nên khi xây dựng các đường ống kỹ thuật phải đào đi đào lại nhiều lần, gây ách tắc giao thông, tốn kém, thiệt hại lớn về chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị. Hầu hết các nước phát triển trên thế giới đã có các Tiêu chuẩn thiết kế Tuynen kỹ thuật để đặt các đường ống kỹ thuật trong tuynen đảm bảo lắp đặt, quản lý các loại ống kỹ thuật thuận tiện. Ở Việt Nam chưa có tiêu chuẩn thiết kế này, vì vậy việc biên soạn Tiêu chuẩn thiết kế “Hệ thống tuynen kỹ thuật hạ tầng cho đường đô thị” là rất cần thiết và cấp bách.

Thay mặt nhóm biên soạn tiêu chuẩn, TS. Vũ Văn Hiếu đã trình bày trước Hội đồng báo cáo tóm tắt của đề tài.

Theo quy định chung, tại những khu đô thị quy hoạch mới nên thiết kế Tuynen kỹ thuật để tránh việc đào bới đường sá, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lắp mới và sửa chữa hệ thống mạng lưới công trình ngầm. Phương pháp mở (đào) lắp đặt hệ thống mạng lưới công trình ngầm đô thị chỉ cho phép áp dụng ở điều kiện có diện tích thi công đủ tiêu chuẩn, thông thường là khi xây dựng các khu quy hoạch và khối lượng thi công không lớn, đặc biệt không áp dụng kỹ thuật thi công mở (đào mở) để lắp đặt hệ thống mạng lưới công trình ngầm có độ sâu lớn 8-12m. Khi thiết kế Tuynen cần phải lựa chọn công nghệ và kỹ thuật thi công thật kỹ

càng, trong quá trình thi công tuynen kỹ thuật hạ tầng đô thị, cần phải xử lý hoàn toàn các khả năng sụt lở đất bên ngoài gây ra lún sụt trên mái dẫn đến lún nứt các công trình nằm trong vùng ảnh hưởng của tuynen, đồng thời phải tuân thủ theo quy phạm, tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị.

Về cấu tạo của Tuynen, dựa vào điều kiện sử dụng mà các tuynen kỹ thuật đô thị có thể được phân thành 2 dạng: dạng đặc chủng chỉ để bố trí, lắp đặt các loại ống hoặc đường dây riêng và dạng chung chỉ để bố trí phần lớn các hệ thống ống của mạng lưới công trình ngầm kỹ thuật đô thị. Yêu cầu kết cấu vỏ phải đảm bảo được các đặc tính kỹ thuật như khả năng chịu tải trọng bên ngoài ngay sau khi lắp. Khi xây dựng tuynen, nên đặt dưới phần đường dành cho người đi bộ hoặc không có xe cộ qua lại, kết cấu phụ thuộc vào điều kiện cụ thể, nếu đặt dưới đường xe chạy, độ sâu nên căn cứ vào biện pháp thi công, tải trọng xe và kết cấu để xác định.

Đối với cách đặt đường ống và đường dây công trình ngầm. Đường ống trong tuynen chung được bố trí trên những giá đỡ bằng bê tông cốt thép dạng khung, ống dẫn gas và ống cấp nước phải đặt cao hơn ống thoát nước, các loại dây cáp khác nhau được bố trí trên những giá đỡ gắn vào thành tuynen phía trên trần, các cáp và đường dây thông tin phải được tách riêng ra khỏi các cáp điện lực và thông thường bố trí về bên đối diện của tuynen. Trong tuynen, các đường ống có thể đặt trong một ngăn hoặc có thể phân biệt nhiều ngăn, nhưng hạn chế các đường giao nhau, nếu giao nhau trên mặt đứng cần tuân thủ không uốn cong, ống nhánh phải trên ống chính, ống nhỏ trên ống to. Khi

xây dựng hệ thống Tuynen ven theo quy hoạch đường đô thị, cần phải đặt song song với đường chính, mạng công trình không được từ bên này chuyển sang bên khác, hay đối với mạng công trình đặt theo đường sắt, đường bộ, nên đặt song song với chúng, khi cắt nhau nên bố trí theo hình thức giao nhau, nếu điều kiện hạn chế nên bố trí giao nhau lệch, góc lệch > 30°, nếu công trình đặt dưới đáy sông, nên chọn nơi đáy sông có địa thế ổn định nhất, độ sâu đặt ống phải đảm bảo an toàn và đúng quy định. Đối với các ống cáp, khối ống cáp có thể làm bằng thép, gang, bê tông amiăng, bê tông sành sứ hoặc nguyên vật liệu tương tự. Khi lựa chọn nguyên vật liệu làm ống hoặc khối ống cần phải chú ý đến mực nước, độ xâm thực của nước cũng như sự xuất hiện dòng điện lạc mạch ở nơi định đặt cáp. Các loại cáp một pha áp xuất thấp hoặc áp xuất trung bình chỉ được đặt trong các ống xi măng amiăng hoặc trong các ống bằng vật liệu không từ tính, mỗi pha của đường cáp phải đặt trong từng ống riêng biệt, khối cáp khi đặt phải có độ dốc nghiêng về phía giếng nước thải ít nhất là 1%, các ống cáp khi đặt chung cũng phải đảm bảo độ dốc đó.

Để đảm bảo công nhân lắp đặt đường ống hay sửa chữa có thể đi lại được, kích thước bên trong hầm phải cao 1,8 - 3m, rộng 1,5 - 2,7m, trong đó chiều rộng dành riêng đi trong hầm là 0,8 - 1,2m, đồng thời trong hầm chung phải đặt giếng kiểm tra tại đường giao nhau, chỗ đường

vòng và trên đường thẳng, cứ cách 75-100m lại có một giếng, ngoài ra, cứ cách 300- 500m lại bố trí một lỗ thông 1 x 4,5m để làm chỗ đưa đường ống xuống. Ngoài ra, để đảm bảo công nhân làm việc được dễ dàng phải có hệ thống đèn điện (10-15m có một ngọn), hệ thống thông gió, bố trí trạm liên lạc bằng điện thoại và thiết bị tín hiệu tự động khi phát sinh sự cố. Khi đặt hầm phải đảm bảo khoảng cách từ đỉnh nắp hầm tới mặt hè phố không nhỏ hơn 0,35m, tới mặt đường dành cho xe chạy không nhỏ hơn 0,50m, mép hầm cách tường nhà không nhỏ hơn 1m, cách bó vỉa hè không nhỏ hơn 0,8m, độ dốc dọc của hầm thường lấy bằng độ dốc dọc của đường.

Theo đánh giá của Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Trung Hoà - Vụ trưởng Vụ KHCN và MT, đây là đề tài được biên soạn từ đầu, nhưng đã được nhóm tác giả biên soạn khá công phu. Tuy nhiên, ngoài những tài liệu tham khảo từ các nước, phần lớn nội dung tiêu chuẩn được chuyển dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt, nên sai sót trong sử dụng thuật ngữ chuyên ngành là khó tránh khỏi. Thông qua các ý kiến đóng góp của các thành viên trong hội đồng, nhóm tác giả cần nhanh chóng chỉnh sửa và bổ sung những phần còn thiếu, chưa chuẩn xác để hoàn thiện tiêu chuẩn. Đề tài được Hội đồng đánh giá xếp loại Khá./.

Bích Ngọc

Nghiệm thu dự án cấp Nhà nước "Nghiên cứu thiết kế, chế tạo các thiết bị chủ yếu cho dây chuyền đồng bộ sản xuất xi măng lò quay công suất 2.500T/ngày, thay thế nhập ngoại, thực hiện tiến trình nội địa hóa"

Ngày 21/10/2010, Hội đồng Nghiệm thu Nhà nước đã tổ chức Hội nghị nghiệm thu dự án KHCN cấp Nhà nước "Nghiên cứu thiết kế, chế tạo các thiết bị chủ yếu cho dây chuyền đồng bộ sản xuất xi măng lò quay công suất 2.500T/ngày, thay thế nhập ngoại, thực hiện

tiến trình nội địa hóa" do KS. Phạm Hùng - nguyên Tổng giám đốc TCty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) - Bộ Xây dựng làm chủ nhiệm.

Hội đồng gồm 12 thành viên gồm các chuyên gia của các Bộ: Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Công thương; trường Đại học Xây

dựng Hà Nội, Viện Vật liệu xây dựng, Hội Vật liệu xây dựng... Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh đã chủ trì Hội nghị.

Dự án KHCN "Nghiên cứu thiết kế, chế tạo các thiết bị chủ yếu cho dây chuyền đồng bộ sản xuất xi măng lò quay công suất 2.500T/ngày, thay thế nhập ngoại, thực hiện tiến trình nội địa hóa" do Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama) chủ trì thực hiện gồm 08 đề tài thành phần, với sự tham gia của nhiều đơn vị như Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng, Công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình VLXD (CCBM), Viện Nghiên cứu cơ khí - Bộ Công thương (Narime), Công ty Cơ khí Hà Nội (Hameco), các trường đại học, các nhà nghiên cứu, các doanh nghiệp thành viên Hiệp hội cơ khí Việt Nam, các doanh nghiệp thành viên của TCty Lilama...

Theo báo cáo của nhóm thực hiện Dự án, 08 đề tài thành phần của Dự án bao trùm 08 công đoạn có tính quyết định của dây chuyền sản xuất xi măng, bao gồm: Nghiên cứu, thiết kế kỹ thuật phần công nghệ dây chuyền sản xuất; Nghiên cứu thiết kế, chế tạo các thiết bị chính trong công đoạn đập đá vôi và đồng nhất sơ bộ đá vôi; Nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy nghiền đứng (nghiền than, nghiền liệu, nghiền clinker); Thiết kế, chế tạo hệ thống lò quay; Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống lọc bụi công suất lớn; Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống đóng bao xi măng tự động; Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống tự động hóa; Nghiên cứu thiết kế, chế tạo thiết bị quạt gió công suất lớn.

Dự án được thực hiện từ tháng 3/2005 đến hết tháng 12/2009 với tổng kinh phí thực hiện khoảng 226 tỷ đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ từ ngân sách khoa học là 31,176 tỷ đồng, kinh phí tự có 12,769 tỷ đồng, kinh phí từ các nguồn khác khoảng 181 tỷ đồng. Kết quả nghiên cứu của Dự án đã được ứng dụng vào một số dự án nhà máy xi măng như xi măng Sông Thao, Phúc Sơn, Hạ Long, Lam Thạch, Bình Phước...

Đại diện tổ chuyên gia của Hội đồng, TS. Võ



Chủ tịch HĐQT nhà nước - Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh phát biểu kết luận Hội nghị

Quang Diệm - Phó Vụ trưởng Vụ VLXD đã trình bày báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia trước Hội đồng, theo đó, thực hiện nhiệm vụ được giao, tổ chuyên gia đã nghiên cứu rất kỹ hồ sơ của dự án, kết hợp với khảo sát, kiểm tra thực tế tại hiện trường. Qua nghiên cứu, Tổ chuyên gia cho rằng Dự án và các đề tài thành phần đã hoàn thành mục tiêu đề ra ban đầu, phương pháp tổ chức thực hiện khoa học, các kết quả có độ tin cậy cao, sản phẩm của các đề tài đã được ứng dụng thành công trong thực tiễn tại nhà máy xi măng Sông Thao, trong đó tỷ lệ nội địa hóa nhà máy xi măng Sông Thao đạt khoảng 71% về khối lượng và 40% về giá trị.

Phát biểu tại Hội nghị nghiệm thu Dự án, các thành viên của Hội đồng đều đánh giá cao sự thành công của Dự án, sự nghiêm túc, khoa học, đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, số lượng theo các mục tiêu đã đăng ký trong thuyết minh Dự án được duyệt. Dự án đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực về thiết kế công nghệ, thiết kế chế tạo thiết bị đồng bộ, thiết kế tự động hóa cho các đơn vị tham gia Dự án, đồng thời mang lại thành công cho Tổng Công ty Lilama - doanh nghiệp tổng thầu EPC dự án xi măng đầu tiên, tạo tiền đề cho việc triển khai thực hiện tổng thầu các dự án xi măng khác.

Ông Lê Minh Hải - Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Sông Thao - đơn vị áp dụng nhiều kết quả nghiên cứu của Dự án đã phát biểu đánh giá cao chất lượng các sản phẩm của Dự

án. Qua gần một năm đưa nhà máy đi vào hoạt động đã cho thấy, thiết kế và sự lựa chọn thiết bị của nhà máy là phù hợp và đồng bộ và ổn định, mức độ tiêu hao vật tư, năng lượng thấp, các thiết bị chế tạo trong nước vận hành ổn định không phải sửa chữa, hệ thống lọc bụi vận hành tốt, hàm lượng bụi trong khí thải thấp, xấp xỉ đạt tiêu chuẩn châu Âu, hệ thống đóng bao và lò nung hoạt động vượt công suất thiết kế...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đã đánh giá cao nỗ lực của TCty Lilama - đơn vị chủ trì Dự án và các đơn vị tham gia trong việc thực hiện thành công một dự án KHCN cấp Nhà nước. Hội đồng nhất trí nghiệm thu Dự án với kết quả đạt loại Khá.

Minh Tuấn

Hội thảo về các tiêu chuẩn bê tông khí (ACC)

Ngày 19/10/2010 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Công ty Xella (CHLB Đức) đã phối hợp tổ chức "Hội thảo về các tiêu chuẩn bê tông khí ACC". Tham dự hội thảo có Bà Almut Roessner - Giám đốc Xella Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài, đại diện các Cục, Vụ, Viện của Bộ Xây dựng, Hội Vật liệu Xây dựng, Tổng hội Xây dựng Việt Nam. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đã đến dự và phát biểu khai mạc Hội thảo.

Theo Báo cáo tham luận của Vụ Vật liệu Xây dựng - Bộ Xây dựng trình bày tại Hội thảo, hiện nay, ngành công nghiệp vật liệu xây dựng (VLXD) của Việt Nam đang phát triển nhanh về cả số lượng, chất lượng, mẫu mã, với tốc độ tăng trưởng cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của công nghiệp cả nước. Ngành công nghiệp VLXD nước ta đã nhanh chóng tiếp cận công nghệ tiên tiến, kỹ thuật hiện đại của thế giới, chuyển từ sản xuất nhỏ sang sản xuất lớn, từ công nghệ kỹ thuật lạc hậu sang công nghệ tiên tiến, hiện đại. Các sản phẩm VLXD như xi măng, gạch ốp lát, sứ vệ sinh, kính xây dựng đã đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước về số lượng, chất lượng và từng bước thâm nhập thị trường quốc tế.

Tuy nhiên, vật liệu xây của Việt Nam cho đến nay phần lớn vẫn là gạch đất sét nung với những hạn chế trong sản xuất như mức tiêu hao năng lượng cao, gây ô nhiễm môi trường, chiếm dụng đất nông nghiệp. Tỷ lệ sử dụng vật liệu

xây không nung (VLXKN) ở Việt Nam mới chiếm khoảng 10% (số liệu cuối năm 2009) trên toàn bộ vật liệu xây, trong khi ở các nước công nghiệp phát triển, VLXKN đã chiếm trên 60% tổng số vật liệu xây được sử dụng.

Tại hội thảo, các chuyên gia của Công ty Xella đã thuyết trình về hệ thống tiêu chuẩn gạch ACC của châu Âu, so sánh với tiêu chuẩn gạch ACC của Trung Quốc. Các chuyên gia nước ngoài cũng đưa ra những khuyến nghị về tiêu chuẩn gạch ACC ở Việt Nam, theo đó, Việt Nam nên xác định các quy trình kiểm tra bắt buộc và không bắt buộc. Các giá trị thu được từ quy trình kiểm tra bắt buộc sẽ được đưa vào nhãn sản phẩm, ví dụ cấp hạng của sản phẩm theo mức độ sai lệch kích thước, cường độ chịu nén, độ đặc chắc, mức độ dẫn nhiệt, khả năng chịu cháy... Quy trình kiểm tra không bắt buộc sẽ cung cấp thêm thông tin cho người thiết kế và người sử dụng, ví dụ thông tin về mức độ co ngót... Trong trường hợp cần phải quy định các giá trị về tính chất cơ lý của sản phẩm thì cần phân biệt giữa khối xây chịu lực và không chịu lực. Nhằm mục tiêu giảm chi phí năng lượng và đẩy nhanh thời gian xây dựng thì cần cho phép sản xuất và sử dụng gạch ACC có khối lượng riêng thấp. Châu Âu và Trung Quốc có xu hướng ưa chuộng các sản phẩm có đặc tính tiết kiệm năng lượng cao (khối lượng riêng <math><400\text{kg/m}^3</math>). Ngoài ra, đối với Việt Nam, không nên quy định cứng các giá trị gạch ACC về kích

thước hoặc các đặc tính vật lý khác vì còn chưa có nhiều kinh nghiệm về loại gạch này.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đánh giá cao ý nghĩa và sáng kiến của Công ty Xella và các đơn vị của Bộ Xây dựng: Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Vật liệu xây dựng, trong việc tổ chức Hội thảo này. Hội thảo diễn ra trong bối cảnh cả nước đang triển khai thực hiện Quyết định số 1567/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển VLXKN. Đây là một chương trình thiết thực đem lại hiệu quả tổng thể cho nền kinh tế xã hội của đất nước và các doanh nghiệp. Chương trình này đã thu hút được sự ủng hộ của các nhà đầu tư, chỉ tính từ đầu năm trở lại đây đã có trên 10 dự án đầu tư sản xuất gạch ACC được triển khai, trong đó có 2 dự án đã bắt đầu đi vào sản xuất và cung cấp sản phẩm cho thị trường.

Hiện nay tại các thành phố lớn của Việt Nam như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng ... đã và đang có nhiều dự án nhà cao tầng được triển khai, trong đó có những tòa nhà cao đến 70 tầng, 100 tầng - từ đó cho thấy nhu cầu của thị trường về loại gạch nhẹ là rất lớn. Để tạo

điều kiện cho sản phẩm gạch xây không nung đi vào thị trường, Chính phủ Việt Nam đã ban hành các cơ chế chính sách khuyến khích. Bộ Xây dựng cũng đã tính đến các biện pháp, trong đó có biện pháp hành chính quy định bắt buộc các công trình cao trên 9 tầng phải sử dụng gạch nhẹ. Tuy nhiên do hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn thi công, dụng cụ thi công và nguồn cung gạch nhẹ còn thiếu, còn chưa đáp ứng được nhu cầu nên chưa thể triển khai biện pháp hành chính được. Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cũng bày tỏ hy vọng, những kiến thức, kinh nghiệm của các chuyên gia nước ngoài được phổ biến tại Hội thảo sẽ là những kiến thức, kinh nghiệm bổ ích để các cơ quan, đơn vị có liên quan của Việt Nam có thể học hỏi, áp dụng.

Công ty TNHH đa quốc gia Xella có trụ sở chính tại CHLB Đức. Công ty 6.800 nhân viên trên toàn thế giới, với 90 nhà máy ở 20 quốc gia, tổ chức bán hàng ở hơn 30 nước. Sản phẩm gạch ACC của Công ty mang thương hiệu YTONG được người tiêu dùng ưa chuộng.

Minh Tuấn

Báo cáo thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công Dự án xây dựng quốc lộ 3 mới - giai đoạn 1

Ngày 28/10/2010, tại Bộ Xây dựng, GS.TS. Nguyễn Văn Liên - Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng nghiệm thu Nhà nước đã chủ trì cuộc họp nghe Ban Quản lý dự án 2 (PMU2) - Cục Đường bộ Việt Nam - Bộ Giao thông vận tải báo cáo về thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công Dự án xây dựng Quốc lộ 3 mới - giai đoạn 1. Tham dự cuộc họp có các thành viên tổ chuyên gia của Hội đồng, đại diện Bộ Giao thông vận tải, PMU2, nhà thầu tư vấn thiết kế.

Theo báo cáo của PMU 2, Dự án Quốc lộ 3 mới đoạn Hà Nội - Thái Nguyên đi qua 3 tỉnh (thành phố) gồm Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Thái Nguyên, chiều dài toàn tuyến 61,3km

được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cao tốc loại A, vận tốc thiết kế 100km/h, được chia làm 2 đoạn chính: đoạn Ninh Hiệp - Sóc Sơn 26,9km, quy mô 4 làn xe, bề mặt nền 34,5m, mặt đường 21m; đoạn Sóc Sơn - Thái Nguyên 34,4km, quy mô 2 làn xe, bề mặt nền 34,5m, bề mặt đường 18m. Cầu trên đường được thiết kế theo tiêu chuẩn 22TCN 272-05 với tải trọng HL-93, người đi bộ 3kN/m², tần suất 1% và được xây dựng phù hợp cho cả 2 giai đoạn với bề rộng mặt cắt ngang cầu là 34 m.

Hiện nay dự án đang được thi công đào đắp nền đường, lắp đặt cống thoát nước, khoan cọc nhồi cho cầu. Công tác giải phóng mặt bằng ở

các địa phương đã cơ bản hoàn thành phương án, thủ tục đền bù, tuy nhiên tiền đền bù còn thiếu. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phát lệnh khởi công ngày 24/11/2009, thời gian thi công dự án là 42 tháng.

Theo báo cáo của PMU2, thiết kế kỹ thuật của dự án có sự điều chỉnh 8 nội dung so với thiết kế cơ sở được duyệt và đã được hoàn thiện các cơ sở pháp lý cho việc điều chỉnh. Những nội dung thay đổi bao gồm quy mô mặt cắt ngang nền đường, quy mô mặt cắt ngang cầu, kết cấu mặt đường, bình diện tuyến, vị trí nút giao cắt, thiết kế nút giao, vị trí và số lượng cầu, xử lý nền đất yếu.

Phát biểu tại Hội nghị, các chuyên gia của Hội đồng đã đóng góp nhiều ý kiến với Ban quản lý dự án và chủ đầu tư về bổ sung hồ sơ thiết kế kỹ thuật; khuyến nghị một số vấn đề về thiết kế chi tiết kết cấu mặt đường, trụ và dầm cầu, mặt cầu; đề nghị bổ sung các bảng tính toán địa chất, thủy văn, động đất; tính toán sơ đồ thiết kế các nút giao...

Sau khi nghe ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, Ban quản lý dự án và nhà thầu tư vấn thiết kế đã giải trình một số nội dung

đồng thời cũng tiếp thu và sẽ có giải trình bằng văn bản.

Phát biểu kết luận cuộc họp, GS.TS. Nguyễn Văn Liên đã yêu cầu Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án nghiên cứu tiếp thu các ý kiến của Hội đồng, những nội dung thay đổi so với thiết kế cơ sở, hoặc bản vẽ thiết kế thi công có thay đổi so với thiết kế kỹ thuật thì phải được thẩm định để điều chỉnh các thiết kế đã được phê duyệt trước để có cơ sở cho việc nghiệm thu sau này. Trong dự án này công tác khảo sát chưa được làm kỹ, sử dụng nhiều thiết kế điển hình chưa phù hợp với thực tế điều kiện địa chất, địa hình ở từng vị trí cụ thể. Hội đồng nghiệm thu nhà nước sẽ tổng hợp các vấn đề cần bổ sung, sửa đổi hoặc yêu cầu giải trình và có văn bản gửi chủ đầu tư, Ban quản lý dự án. Các chuyên gia của Hội đồng sẽ phối hợp với Ban quản lý dự án và tư vấn thiết kế để làm rõ một số tính toán thiết kế, mục tiêu chung nhằm đảm bảo chất lượng công trình và hiệu quả của dự án.

Minh Tuấn

Những phát triển mới nhất của Công ty Polysius liên quan đến việc xử lý những nguyên liệu khó xử lý

Trong những năm gần đây, Công ty Polysius (CHLB Đức) đã nghiên cứu và thực hiện một số giải pháp cho việc xử lý các nguyên liệu khó xử lý trong quá trình chuẩn bị nguyên liệu của các nhà máy xi măng. Những nguyên liệu khó xử lý như đất sét dính hoặc các hỗn hợp nhỏ với hàm lượng ẩm cao có xu hướng phân tầng rời trong xi lô nguyên liệu có phễu rút liệu thì sử dụng xi lô đa khoang là một phương án hiệu quả.

Phương án cải thiện tính chất xử lý của nguyên liệu khó xử lý: trước đây, nguyên liệu được sử dụng thường được đập và nạp vào máy một cách riêng rẽ. Ở phía trước máy nghiền

nguyên liệu, các nguyên liệu khác nhau được tháo ra và từ các kết nạp liệu của máy nghiền đã được định lượng. Đặc biệt những nguyên liệu khó xử lý thường dẫn đến các vấn đề trong cối đập, trên băng tải, máng kho chứa và các kết liệu của máy nghiền. Ngày nay, để cải thiện các tính chất xử lý, các thành phần nguyên liệu khó xử lý thường được đập với thành phần dễ xử lý. Đất sét thường rất khó xử lý, vì vậy nó được đập cùng với đá vôi trong cối đập. Khi đó, hỗn hợp đất sét và đá vôi thường là nguyên liệu khó xử lý nhưng có thể sử dụng các máy móc tiêu chuẩn đối với chúng.

Nhiều hỗn hợp đất sét - đá vôi có hàm lượng

ẩm trong khoảng 6-15%, do đó người ta thường sử dụng các cối đập búa 2 trục làm cối đập hỗn hợp. Hỗn hợp được đập qua 3 bước, bước đập đầu tiên được thực hiện trên các roto của các búa và bước đập chính diễn ra giữa các búa và đe. Sau đó, bước đập phụ được thực hiện trong thiết bị sàng, do đá vôi cứng, thiết bị sàng được làm sạch kỹ khỏi đất sét dính. Để tránh kết bám trên thiết bị sàng, thiết bị được mở to dần ở phần sau, do bản chất của quá trình đập trong cối đập búa hai trục nên quá trình này sẽ dẫn đến sự phối trộn rất tốt giữa đá vôi và đất sét trong cối đập.

Ngoài những ưu điểm về công nghệ trong quá trình đập kết hợp đá vôi và đất sét, thì chi phí vốn đầu tư cũng thấp hơn đáng kể, chỉ cần cối đập, một băng tải vận chuyển đến kho đồng nhất và một kho đồng nhất. Điều kiện biên đối với phương án này là công tác hậu cần của mỏ đá luôn luôn phải đảm bảo đồng thời sẵn có cả hai nguyên liệu tại cối đập.

Ở nhiều nhà máy, kết cấp liệu cho máy nghiền liệu là điểm quan trọng trong chuỗi quá trình đối với nguyên liệu khó xử lý. Vì lý do đó, hoạt động không có kết cấp liệu là một giải pháp đối với các thành phần nguyên liệu khó xử lý.

Để xác định xem có cần xử lý riêng rẽ bụi của bộ lọc và nguyên liệu có xu hướng phân tầng trong xi lô nguyên liệu với phễu rút liệu hay không, Polysius đã phát triển hệ số phân tầng S: $S = \text{LSF}32\mu\text{m} / \text{LSFRM}$

Trong đó: S = hệ số phân tầng

$\text{LSF}32\mu\text{m}$ = LSF của phần bột nguyên liệu nhỏ hơn 32 μm

LSFRM = LSF của toàn bộ bột nguyên liệu

Nếu hệ số phân tầng nằm giữa 0,9 và 1,1 thì bột nguyên liệu là không khó xử lý. Nếu hệ số phân tầng nằm ngoài phạm vi là 0,8 – 1,2 thì cần phải thực hiện xử lý riêng bụi của bộ lọc.

Nếu các hệ số phân tầng lớn hơn 1,5 thì hiệu quả đồng nhất trong xi lô bột nguyên liệu thấp hơn đáng kể, và trong trường hợp hệ số phân tầng rất lớn thì thậm chí có thể xảy ra sự

phân tầng bột liệu trong xi lô bột liệu với các ống tháo liệu dạng phễu. Tác động này đặc biệt rõ ràng nếu bột nguyên liệu có hàm lượng thạch anh cao. Thạch anh nhìn chung khó nghiền hơn các thành phần khác và nó tích lũy trong phần thô của bột liệu. Nhằm mục đích đạt được hiệu quả đồng nhất trong xi lô bột liệu đối với bột liệu này bất kể tính chất đó, một số năm trước đây Polysius đã phát triển xi lô đa khoang.

Đối với những nguyên liệu khó, có xu hướng phân tầng rời trong xi lô nguyên liệu có các phễu tháo liệu, xi lô đa khoang là phương án thay thế để lựa chọn. Nó bao gồm một số xi lô mà trong đó có dòng chảy toàn bộ của nguyên liệu. Các xi lô được nạp lần lượt và tất cả các xi lô được tháo cùng một lúc. Xi lô đa khoang có đặc điểm là tính linh hoạt cao và không phụ thuộc vào xu hướng phân tầng rời của nguyên liệu. Xi lô đa khoang gồm nhiều xi lô, tất cả đều được thiết kế như xi lô có dòng chảy toàn bộ. Các xi lô được cấp lần lượt và tất cả các xi lô được tháo đồng thời, do đó đạt được tác động phối trộn. Do hiệu quả đồng nhất không phụ thuộc vào mức cấp trong xi lô, chất lượng bột nguyên liệu của tháp trao đổi nhiệt thậm chí có thể được bảo đảm cho các mức cấp rất thấp. Xi lô đa khoang có những ưu điểm:

- Không xảy ra sự phân tầng bột liệu.
- Bụi của bộ lọc trong trường hợp hoạt động trực tiếp (không có nghiền liệu) có thể được giữ ở một trong các xi lô và được bổ sung với những lượng nhỏ vào bột liệu cấp vào lò.
- Vấn đề hình nón cuối đồng của kho dài đồng nhất xảy ra khi cắt đồng nguyên liệu mới được giảm xuống tối thiểu, vì nguyên liệu này được giữ trong xi lô và sau này được bổ sung với những lượng nhỏ vào bột liệu cấp vào lò.
- Hiệu quả đồng nhất không đổi, không phụ thuộc vào mức cấp trong xi lô, cả đối với bột liệu khó xử lý, vì trong các xi lô có dòng chảy toàn bộ.
- Các xi lô bằng kết cấu thép về cơ bản dễ chế tạo.

- Nhờ các xi lô bổ sung, lượng lưu trữ của xi lô đa khoang có thể được nâng cao dễ dàng vào bất cứ lúc nào.

- Khả năng sẵn sàng hoạt động của xi lô đa khoang rất cao, vì trong trường hợp một xi lô có sự cố thì tất cả các xi lô khác vẫn sẵn sàng hoạt động.

- Đối với mục đích bảo dưỡng, một xi lô có thể được lấy ra khỏi hoạt động kết hợp và được kiểm tra mà không làm dừng vận hành của toàn bộ hệ thống.

- Nếu có thay đổi chất lượng bột liệu nhằm mục đích sản xuất kiểu clinke khác, một phần của xi lô được tháo rỗng và cấp bằng bột nguyên liệu chất lượng mới. Đồng thời, các xi lô với bột liệu chất lượng cũ cũng được tháo rỗng và sau đó được chuyển sang bột nguyên liệu chất lượng mới trong hệ thống tháo liệu. Bằng cách đó, thời gian chuyển đổi sang kiểu clinke khác sẽ rất ngắn.

Quỳnh Anh

Thiết kế Nhà sinh thái ở Đan Mạch

Tháng 5/2010 tác giả bài viết này đã đến Đan Mạch theo Dự án hợp tác sinh thái liên quan đến sự phát triển nhà ở thấp tầng sử dụng năng lượng tiết kiệm, sử dụng năng lượng mới và xây dựng chiến lược phát triển năng lượng mới của Belarus (Vision 2050). Theo đó đến năm 2050 Belarus và phần lớn các quốc gia châu Âu sẽ phải chuyển hoàn toàn sang sử dụng năng lượng mới bảo đảm sinh thái và ngừng sử dụng các nguồn nhiên liệu hoá thạch, năng lượng nguyên tử. Dưới đây là bài viết của tác giả giới thiệu về thiết kế nhà sinh thái (NST) ở Đan Mạch.

Trong thời gian ở Đan Mạch, tác giả đã đến thăm những địa danh quen thuộc và khá nổi tiếng với giới kiến trúc sư châu Âu như Trung tâm Folke - chuyên nghiên cứu năng lượng mới ở vùng Jutland, Khu đô thị tự quản Christiania ở Copenhagen, Làng sinh thái Friland hay còn gọi là trung tâm xây dựng thử nghiệm nhà thấp tầng sinh thái mới nơi tập trung của những nhà nghiên cứu thử nghiệm có cùng chí hướng và khảo sát các xu hướng mới trong “xây dựng biệt thự” và kiến trúc mới của Đan Mạch.

Khí đốt khai thác tại biển Bắc bán tại Đan Mạch giá 800 USD/1.000 m³ (trong đó trên 400 USD là thuế phát triển năng lượng mới sạch sinh thái) mặc dù giá thành của khí đốt chỉ là dưới 100 USD. Câu hỏi đặt ra với các chuyên gia Đan Mạch là tại sao vậy?, bởi việc này sẽ

kìm hãm sự phát triển kinh tế và giảm tính cạnh tranh của sản phẩm Đan Mạch. Các chuyên gia Đan Mạch cho biết việc phát triển kinh tế trên cơ sở khí đốt giá rẻ là rất mạo hiểm do khí đốt chỉ đủ dùng cho dưới một thế hệ nữa. Sau 20 năm nữa Đan Mạch sẽ không sử dụng khí đốt nữa không chỉ do nguyên nhân sinh thái. Do vậy, “khoản siêu lợi nhuận khí đốt” được sử dụng cho việc phát triển năng lượng mới. Đan Mạch được định hướng vào việc phát triển bền vững và năng lượng sinh thái. Điều đó đồng nghĩa với sức khoẻ của dân tộc và các thế hệ tương lai, khí hậu và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hiện tại và trong tương lai. Khí đốt giá rẻ sẽ thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng kèm theo nhiều vấn đề sinh thái phức tạp. Vấn đề là làm thế nào để thực hiện được điều đó trong khi hầu hết các doanh nghiệp cung cấp năng lượng đều là doanh nghiệp tư nhân và giữa họ là các quan hệ thị trường?, Quốc hội, Chính phủ và các chuyên gia có vai trò như thế nào?. Câu trả lời là ở Đan Mạch khu vực năng lượng được nhà nước kiểm soát rất chặt chẽ vì tương lai của dân tộc. Ví dụ, mỗi một doanh nghiệp tư nhân cung cấp năng lượng đều có nghĩa vụ hàng năm thúc đẩy sự cắt giảm 5% mức năng lượng tiêu thụ. Doanh nghiệp không hoàn thành chỉ tiêu trên sẽ gặp nhiều vấn đề lớn. Nếu doanh nghiệp

không tự hoàn thành được chỉ tiêu thì có thể mua “mức cắt giảm” này của doanh nghiệp lân cận nếu doanh nghiệp lân cận đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu cắt giảm mức tiêu thụ năng lượng. Giá bán sẽ do các doanh nghiệp liên quan tự thỏa thuận. Quá trình này chịu sự giám sát của các tổ chức và chuyên gia độc lập do nhà nước thuê thực hiện.

Về việc thực hiện sử dụng năng lượng hiệu quả trong xây dựng cũng như việc kiểm soát quá trình này, các chuyên gia Đan Mạch cho biết hệ thống kiểm soát trong xây dựng ở Đan Mạch hoạt động tương tự như hệ thống của Đức mà cũng sắp trở thành hệ thống chung của châu Âu. Ngoài điều tiết thông qua định mức thì sự điều tiết còn liên quan đến tổng mức tiêu thụ năng lượng tính bằng mét khối trên một đơn vị diện tích hữu ích (hoặc thể tích). Trong hợp đồng xây dựng công trình, ngoài thời hạn xây dựng còn phải nêu năng lượng tiêu thụ và cấp hiệu quả sử dụng năng lượng. Sau khi hoàn thành xây dựng, nhà được lập sổ theo dõi năng lượng và tiến hành kiểm tra độc lập. Nếu chỉ tiêu mức tiêu thụ năng lượng không phù hợp với nội dung hợp đồng (chỉ tiêu tỷ trọng và chỉ tiêu tổng hợp) công ty xây dựng sẽ phải bằng kinh phí của mình bù đắp sự không phù hợp này và còn bị chủ đầu tư phạt tiền rất nặng. Vì vậy, cân đối năng lượng được tính toán rất kỹ và chất lượng công tác thi công cũng rất được quan tâm.

Các nhà phân phối năng lượng cũng như các doanh nghiệp sản xuất năng lượng như các doanh nghiệp lắp đặt trạm phát điện gió hoặc trạm phát điện khí sinh học trên đất của họ đều nhận được những lợi ích lớn trong việc đánh thuế. Các nghị sĩ, các nhà quy hoạch và xây dựng đô thị, các kiến trúc sư kể cả các nhà quản lý của các doanh nghiệp khí đốt cho biết theo họ khí đốt và dầu mỏ chỉ là những nhiên liệu tạm thời, sau 20 - 30 năm nữa Đan Mạch sẽ sẵn sàng cho việc ngừng hoàn toàn việc sử dụng loại nhiên liệu này do vậy ngay từ bây giờ

Đan Mạch đang có những bước đi thực tế để đạt được mục tiêu đó. Đây được xem là mô hình cấp quốc gia và ảnh hưởng rất nhiều đến ngoại diên và nội hàm của các giải pháp hình khối và mặt bằng. Ví dụ, làng



Nhà sinh thái lắp pin mặt trời sinh thái được xây

dựng cách thành phố Arhus 15 km với rất nhiều giải pháp mà các kiến trúc sư Nga cảm thấy khó hiểu, như việc đi lại trong làng có thể bằng cách đi bộ hoặc xe đạp còn ô tô đỗ ở bên ngoài với khoảng cách tiếp cận là 3 - 5 phút, tuy nhiên nhờ đó môi trường sống trở nên sinh thái và an toàn đối với trẻ em. Còn bản thân ngôi nhà với vẻ ngoài giản dị lại mang trong nó nhiều cái mới đáng quan tâm, như nhà vệ sinh sinh học kết hợp ủ phân và hệ thống thu gom nước tiểu riêng biệt, pin mặt trời và sưởi ấm bằng năng lượng sinh khối (hệ thống sưởi ấm tập trung của làng kết hợp tự sản xuất điện năng). Trong làng có những NST sử dụng năng lượng thụ động, được xây dựng bằng gạch rơm theo phong cách kiến trúc “high-tech”, hoàn thiện bằng ván gỗ và được xây dựng từ các loại vật liệu thiên nhiên, sạch sinh thái. Tại đây rác được thu gom riêng từng loại, chất thải hữu cơ được ủ làm phân, có chỗ dành riêng cho cộng đồng dân cư địa phương trao đổi các vật dụng như quần áo cũ và các đồ dùng cá nhân, đồ gỗ hoặc ủng hộ những người có mức sống thấp hoặc gửi đi làm công tác từ thiện.

Tại làng sinh thái Friland đã xây dựng những NST rất đáng chú ý. Tại đây có những ngôi nhà hoàn toàn độc lập về năng lượng, có thể sản xuất lượng điện năng nhiều hơn mà nó tiêu thụ và cung cấp điện cho các ngôi nhà lân cận. Phần lớn các NST đều được xây dựng bằng gạch rơm và mái nhà được phủ loại cây xanh chịu được khô hạn. Nhà được xây dựng như vậy

vì rẻ và đơn giản; người xây dựng có thể tự thi công loại mái này thông qua các văng gỗ ngay trước công trình rồi đặt lên bề mặt mái nhà đã được chuẩn bị trước một cách riêng biệt. Cây xanh trên mái nhà bù đắp một phần những tổn thất do việc xây dựng ngôi nhà gây ra cho thiên nhiên và hệ sinh thái tại địa phương, ngoài ra còn đem lại vẻ đẹp, thẩm mỹ và nghệ thuật. Đó chính là động lực của các nhà xây dựng Đan Mạch khi xây dựng làng sinh thái Friland.

Kết cấu của NST xây dựng từ gạch rơm rất độc đáo. Khung chịu lực của nhà được hình thành từ các thân cây không xẻ. Cách tiếp cận này kết hợp được đặc tính tiết kiệm cao, tính công nghệ, sự bền lâu và bền vững với những giải pháp kết cấu độc đáo mà rất ít gặp trong kiến trúc Nga hiện đại. NST thường kèm theo nhà kính trồng cây lớn, trong đó các chất thải được xử lý trong các thiết bị kích thước nhỏ đặt trong nhà kính, còn chất thải sau xử lý được sử dụng làm nước tưới và phân bón cho cây trồng trong nhà kính mà vụ mùa thu hoạch (từ nho cho đến bầu, bí và khoai tây) lại được sử dụng làm thực phẩm cung cấp cho những người sống trong nhà, tạo nên một chu trình khép kín của vật chất và năng lượng. Giải pháp khác xử lý chất thải tại chỗ thường hay được áp dụng là: Ngay bên cạnh nhà cần tạo ra một khoảng đất dạng đầm lầy ngập nước (thông thường khoảng 100 m²) trên đó trồng cây liễu phát triển nhanh, còn sinh khối nhận được sẽ sử dụng cho việc sưởi ấm vào mùa đông. Đáng lưu ý là khác với khu đô thị tự quản Christiania, tại làng sinh thái Friland tất cả các ngôi nhà và hệ thống kỹ thuật đều được xây dựng dưới sự giám sát và cho phép chính thức, hơn nữa Hãng truyền hình quốc gia Đan Mạch đã thực hiện một loạt cuộc truyền hình trực tiếp từ Friland về chủ đề xây dựng tiết kiệm bảo đảm sinh thái; tình hình nghiên cứu, thiết kế, xây dựng và vận hành các hệ thống xử lý nước thải được lựa chọn, các hệ thống năng lượng mới.

Một trong những nơi cuốn hút nhất ở thủ đô



Nhà sinh thái xây từ gạch rơm, hoàn thiện bằng ván gỗ ở Làng sinh thái Friland

Copenhagen không chỉ đối với khách du lịch nước ngoài (điều này thậm chí đã được chính thức công nhận) là khu đô thị Christiania - một khu vực đô thị được xây dựng tự phát trên đất của căn cứ hải quân cũ đã được lực lượng hải quân chuyển giao lại khoảng 30 năm về trước. Khác với làng sinh thái Friland, việc xây dựng tại đây diễn ra hoàn toàn tự phát, không có sự tham gia của chính quyền, không sử dụng hồ sơ thiết kế chính thức,... nhưng dưới sự tự quản nội bộ của cộng đồng người có những nét văn hoá riêng, bao gồm những người thuộc nhóm văn hoá híp pi, người ưa thích tự do và những nhóm người theo các trào lưu nghệ thuật hiện đại Đan Mạch và không nhằm mục đích kinh doanh, có phần khác với văn hoá mang tính phổ biến. Kết quả vượt trên cả sự mong đợi: Một môi trường sống rất hấp dẫn đã hình thành với kiến trúc độc đáo một cách đáng chú ý. Các biệt thự nhỏ hầu như được tự xây dựng từ rác, được lắp thiết bị thu năng lượng mặt trời, nhà vệ sinh sinh học, các bức tranh tường, được bố trí lẫn trong cây cỏ một cách ngoạn mục dọc theo bờ của nhiều vịnh, tạo ra môi trường sống thân thiện mang đượm tinh thần sáng tạo. Hiện tại, cộng đồng dân cư bao gồm các chủ nhà của 2.000 căn biệt thự này phần lớn là các nhà thơ, họa sĩ, nhạc sĩ, nhà văn,... Ngoài các công trình xây dựng thấp tầng thì những ngôi nhà xây bằng đá của các trại lính cũ sau khi được cải tạo cũng là một điều rất đáng chú ý. Các công trình đó được trang trí bởi các bức tranh nghệ

thuật, được bố trí như các cửa hàng ăn nhỏ, tiệm cà phê,... Tại đây có nhà tắm công cộng dùng năng lượng mặt trời, chùa phật giáo, trường phổ thông, trung tâm thương mại,... Theo nhận xét của Cơ quan phát triển du lịch - nghỉ dưỡng quốc gia Đan Mạch, khu đô thị Christiania hầu như đã trở thành “tấm danh thiếp” của Copenhagen và nâng cao đáng kể sức thu hút đối với khách du lịch.

Trung tâm Folke - một địa danh mang tính biểu tượng nổi tiếng ở Đan Mạch và nước ngoài mặc dù đây chỉ là dự án do một đôi vợ chồng thực hiện. Địa điểm này được xem như viện nghiên cứu khoa học kết hợp sản xuất thử nghiệm - một trang trại - một trung tâm thử nghiệm - trình diễn và đào tạo về các thiết bị liên quan đến năng lượng mới và công nghệ xây dựng mới phù hợp với nguyên tắc phát triển bền vững. Tại đây bất cứ ai có nhu cầu đều nhận được đầy đủ thông tin về cách xây dựng ngôi nhà độc lập về năng lượng, cách tổ chức hoạt động nông nghiệp lâu dài trên đất của nhà ngoại ô, cách sử dụng năng lượng gió và năng lượng mặt trời tại khu vực mình sinh sống,... Trung tâm đã xây dựng được NST bằng rơm đầu tiên ở Đan Mạch, giới thiệu tất cả các công nghệ năng lượng gió, tấm năng lượng mặt trời, công nghệ nhiên liệu sinh học, ô tô chạy bằng dầu thực vật, khí hydro, điện, các kiểu loại tấm pin điện mặt trời và máy đun nước nóng dùng năng lượng mặt trời; giới thiệu các giải pháp kiến trúc sử dụng năng lượng hiệu quả và công nghệ xây dựng phù hợp với sự phát triển bền vững. Hoạt động của Trung tâm nhận được sự hỗ trợ của chính phủ tương tự như sự hỗ trợ cho hoạt động của các tổ chức phi chính phủ khác, các tổ chức nghề nghiệp trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển năng lượng mới, tiết kiệm năng lượng, phát triển nhà ở xã hội sử dụng năng lượng thụ động một cách tiết kiệm,... Chính phủ còn hỗ trợ các hoạt động khác như: Giới thiệu các mô hình văn phòng sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; các cuộc triển lãm về chủ đề trên do nhà nước xác định thời gian tổ chức; ban hành các



Đường vào Khu đô thị tự quản Christiania

luật liên quan; tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai áp dụng các giải pháp,... Mặc dù khí hậu tại Đan Mạch thuận lợi hơn 2 lần so với khu vực châu Âu của nước Nga (chỉ tiêu nhiệt độ ngày đêm ở Đan Mạch khoảng 2.600, tại Matxcova là 5.000) trong khi đó ở Nga chưa nhận thấy nhiều hoạt động tương tự những hoạt động nêu trên tại Đan Mạch mà nguyên nhân là do đặc điểm của công tác xây dựng nhà thấp tầng quốc gia (và không chỉ nhà thấp tầng).

NST xây dựng từ rơm, có mức tiêu thụ năng lượng bằng không được xây dựng vào năm 2008 tại ngoại ô thành phố Minsk (Belarus) cũng đã được giới thiệu ở Đan Mạch cùng với một cuộc trao đổi ý kiến với sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học, đại diện chính quyền địa phương, sinh viên và cư dân địa phương. Cuộc thảo luận đã diễn ra hết sức chuyên nghiệp, sâu sắc và thu hút được sự quan tâm. Tác giả cho rằng Bộ Xây dựng và kiến trúc ở Minsk hoặc ở Matxcova cũng nên tổ chức thảo luận về chủ đề trên bởi tình hình giá năng lượng cũng như chi phí cho dịch vụ công cộng đối với khu vực nhà ở trước thêm gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO sẽ nhanh chóng trở nên căng thẳng không chỉ ở Ucraina và Belarus.

Theo Tạp chí Kiến trúc và Xây dựng Nga, số 7/2009

Tóm lược tin: Huỳnh Phước

Phân tích những vấn đề về an toàn trong thiết kế xây dựng nhà cao tầng ở Trung Quốc

Vấn đề an toàn là một nội dung rất quan trọng trong thiết kế và xây dựng nhà cao tầng, đây cũng là điều kiện đầu tiên bảo vệ an toàn cho tính mạng con người. Dựa vào tình hình chức năng sử dụng của các toà nhà, số lượng người dân sinh sống và làm việc trong đó, tổng diện tích sử dụng... mà bố trí đường thoát hiểm an toàn và hợp lý, tạo thuận lợi cho việc thoát hiểm của người dân. Hiện thị trường xây dựng nhà cao tầng Trung Quốc đang ngày càng phát triển nhanh chóng, trong đó khâu thiết kế thoát hiểm an toàn rất được chú trọng, tuy nhiên vẫn tồn tại một số vấn đề chưa có cách giải quyết phù hợp.

1. Vấn đề mở rộng cầu thang và việc lựa chọn loại cửa chống cháy

Trong các toà nhà thương mại, để đáp ứng với lượng lớn khách hàng đến mua sắm mỗi ngày và tạo ra một không gian rộng, các cầu thang thường được thiết kế khá rộng. Theo “Quy chuẩn phòng chống cháy trong thiết kế xây dựng công trình dân dụng cao tầng” của Trung Quốc, trong những loại công trình kiến trúc này, cầu thang thoát hiểm nhất thiết phải kín hoặc có tính năng phòng chống khói. Để giải quyết mâu thuẫn này, trong quá trình thiết kế mở rộng cầu thang, người thiết kế đồng thời lựa chọn loại cửa cuốn chống cháy, thiết kế với số lượng và hình thức phù hợp với yêu cầu đối với cầu thang thoát hiểm trong quy chuẩn. Đối với phương thức thiết kế này vấn đề nằm ở chỗ, nếu xảy ra hoả hoạn, sẽ gây khó khăn về định vị phương hướng thoát hiểm cho người dân.

2. Vấn đề cầu thang chung liên thông tầng trên với tầng dưới

Khi xảy ra hoả hoạn, để ngăn chặn người từ tầng trên di tản xuống tầng dưới bằng đường cầu thang chung, trong quy chuẩn đã yêu cầu, giữa tầng trên và tầng dưới không dùng chung

một cầu thang bộ. Nhưng vì lý do kết cấu, nên cầu thang sẽ được thiết kế thông suốt từ tầng dưới lên tầng trên, thông thường không hề có sự ngăn cách nào. Về phía người thiết kế luôn quan niệm đây không phải vấn đề quá nghiêm trọng. Thậm chí còn cho rằng, chức năng sử dụng của cầu thang các tầng trên và dưới là giống nhau, chủ đầu tư cũng không đồng ý trong việc thiết kế cầu thang riêng biệt. Theo tác giả bài viết, cho dù trong trường hợp nào, giữa tầng trên và tầng dưới phải có danh giới chống cháy và thoát hiểm rõ ràng, kể cả phương pháp thực hiện là thiết kế tường vững chắc, lối vào tầng dưới và lên tầng trên được ngăn cách bởi cửa chống cháy, nhưng nếu không thiết kế phân cách, khi xảy ra hoả hoạn từ tầng trên chạy xuống tầng dưới hay từ tầng dưới chạy lên trên, lúc đó sẽ gây rối loạn tại cửa ra vào.

3. Vấn đề độ rộng của đường thoát hiểm

Vấn đề này thường không được chú ý tới trong khâu xét duyệt thiết kế và phòng chống cháy. Trong xây dựng nhà cao tầng, để tận dụng tối đa không gian, thường người ta thu hẹp lối đi, cầu thang và thậm chí cũng không sử dụng các thiết bị chiếm nhiều diện tích ngay trong phòng, có khi còn thiết kế đường thoát hiểm ở mức tối thiểu trong quy chuẩn. Trong quy chuẩn cũng đã yêu cầu rất rõ ràng, khi xây dựng phòng công cộng như: phòng hội nghị, phòng đa chức năng... nhất thiết phải mở cửa cho hành lang; mở cửa cho cầu thang thoát hiểm, nếu thiết kế không đúng, hành lang sẽ bị thu hẹp, cầu thang thoát hiểm không rõ ràng. Do đó, khi thiết kế phòng công cộng, đồng thời phải thiết kế tăng thêm độ rộng cho cửa và số lượng cửa, đối với cửa cầu thang, lựa chọn loại cửa 1 cánh, khi mở áp sát vào tường, không chọn loại cửa 2 cánh có kích thước quá lớn.

4. Mức độ tối thiểu trong thiết kế khoảng cách cửa thoát hiểm

Trong các toà nhà thương mại, để tiết kiệm diện tích lưu thông, có ý kiến cho rằng nên giảm bớt số lượng cầu thang thoát hiểm, tận dụng thang máy, cầu thang cuộn tự động, do đó mới đưa ra vấn đề về mức độ tối thiểu trong thiết kế cầu thang thoát hiểm. Dựa vào điều 1.13 trong quy chuẩn phòng chống cháy trong thiết kế xây dựng công trình dân dụng cao tầng, đối với các toà nhà thương mại trên mặt đất, người ta thường chia thành 2 phân khu chống cháy, các phân khu này được liên thông với nhau bằng cửa chống cháy, nếu mỗi phân khu có diện tích lớn nhất là 2.800m², mỗi phân khu đều được thiết kế cửa ra an toàn. Yêu cầu về khoảng cách thoát hiểm là 30m, nên tại bất kỳ một điểm nào, nếu khoảng cách giữa các cửa liên thông hoặc cầu thang thoát hiểm vượt quá 30m, lại bố trí thêm cửa thoát hiểm nữa. Đối trung tâm thương mại dưới lòng đất, nếu mỗi phân khu phòng chống hoả hoạn có diện tích lớn nhất là 1000m², khi thiết kế cửa chống cháy liên thông giữa các khu vực lân cận, cần lưu ý tới yêu cầu khoảng cách 30m giữa các cửa thoát hiểm. Đối với cầu thang sử dụng cho khu dân cư và khu thương mại trong cùng toà nhà cao tầng, lối đi thường phải thông qua tầng thấp nhất của khu thương mại đó. Trong bản vẽ thiết kế thường không phát hiện ra vấn đề gì, nhưng từ góc độ quản lý thường ngày cho thấy, cầu thang của khu dân cư và cầu thang của khu thương mại nên độc lập, không liên thông với nhau, cho dù có liên thông, thì cầu thang dành cho khu dân cư luôn trong trạng thái khoá chặt, rất ít khi mở. Do đó, khi thiết kế cầu thang cho khu dân cư và cầu thang cho khu thương mại nên thiết kế riêng biệt.

5. Vấn đề trong thiết kế loại cầu thang đan chéo nhau

Tại điều 1.2 trong Quy chuẩn phòng chống cháy trong thiết kế xây dựng công trình dân dụng cao tầng có quy định: xây dựng toà nhà

cao tầng, nếu khó khăn trong việc thiết kế xây dựng 2 cầu thang bộ thoát hiểm riêng biệt, có thể lựa chọn thiết kế loại cầu thang đan chéo nhau. Khi xảy ra hoả hoạn, loại cầu thang này có khả năng phòng phòng chống khói, trong thiết kế cần lưu ý lắp đặt hệ thống phòng chống khói ngay trước cửa các phòng (gian hàng) và hệ thống cung cấp không khí. Ngoài ra nghiêm cấm việc kết hợp sử dụng hệ thống phòng chống khói trước cửa cầu thang và hệ thống chống cháy trước cửa thang máy, phải lắp đặt cửa chống cháy và có hệ thống cung cấp khí riêng biệt.

6. Thiết kế cầu thang bộ

Đối với toà chung cư 11 tầng trở xuống, khi thiết kế mở rộng cầu thang, cửa thoát hiểm phải sử dụng bằng cửa chống cháy. Đối với những toà nhà thương mại, khi thiết kế không có cầu thang bộ, chỉ sử dụng thang máy hoặc thang cuốn, theo quy định phải thiết kế phân khu phòng chống cháy liên thông giữa tầng trên và tầng dưới, đặc biệt diện tích xây dựng phải đúng với quy định phòng chống cháy trong quy chuẩn đã đề ra. Quan sát những tiểu khu đang phát triển có thể nhận thấy, các toà nhà thương mại và chung cư đang được xây dựng ngày một nhiều, vì vậy, khi thiết kế xây dựng những loại công trình kiến trúc này nhất định phải chú ý những quy định trên. Đối với những toà nhà cao tầng, diện tích sàn xây dựng trên 2.500m², phải có cửa ngăn cách giữa các tầng. Theo quy định, trong thiết kế chỉ được lựa chọn loại cửa lò xo tự đóng. Tác giả bài viết cho rằng, nếu xét về mặt kinh tế, nên chọn loại cửa chống cháy là phù hợp nhất. Đối với những công trình thương mại có diện tích xây dựng dưới 2.500m², cao 5 tầng trở xuống, theo quy định độ cao xây dựng không vượt quá 24m, nên có thể sử dụng cầu thang bộ.

7. Thiết kế cầu thang thông lên mái

Trong thiết kế nhà cao tầng, cần chú ý từ tầng 18 trở xuống, mỗi tầng không được phép vượt quá 8 hộ sinh sống ở đó, diện tích xây

dựng không vượt quá 650m². Đối với những toà nhà không có hệ thống thoát khói trong cầu thang hay hệ thống phòng chống cháy thang máy, ít nhất cần phải có 2 cầu thang thoát hiểm thông lên mái. Nhiều toà nhà được xây dựng nhưng không có đường thoát hiểm lên mái, đã xảy ra không ít nguy hiểm đối với tính mạng con người, thiết kế cầu thang thông lên mái là lối thoát quan trọng và cần thiết khi có hoả hoạn xảy ra.

8. Thiết kế phòng chống cháy thang máy

Trong thiết kế xây dựng những khu chung cư có tầng thứ 11 trở lên, đã có những tranh luận có nên thiết kế phòng chống cháy thang máy. Mục đích của việc thiết kế phòng chống cháy thang máy chủ yếu là dập lửa cứu người và tài

sản, có thể rút ngắn thời gian và không làm mất nhiều công sức của lính cứu hoả. Vì vậy, những khu chung cư cao 11 tầng trở lên, yêu cầu tính toán chống cháy như trong quy chuẩn đối với tầng 12 là phải thiết kế phòng chống cháy thang máy. Trong một cuộc hội thảo chuyên ngành mới đây, các chuyên gia trong nước đã thảo luận rất kỹ đối với những loại chung cư phải thiết kế phòng chống cháy thang máy, yêu cầu thiết kế chấp hành đúng nội dung quy chuẩn đã đề ra.

Đàm Hân

*Nguồn: Tạp chí XD Trung Quốc số
12/2010*

ND: Bích Ngọc

Công ty TNHH nhà nước một thành viên Khảo sát và xây dựng kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba

Ngày 26/10/2010 tại Hà Nội Cty TNHH Nhà nước một thành viên Khảo sát và xây dựng (USCo) đã long trọng tổ chức lễ Kỷ niệm 50 năm ngày thành lập (6/10/1960 - 6/10/2010) và đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang và các đồng chí lãnh đạo Bộ qua các thời kỳ: GS. Nguyễn Mạnh Kiểm - Nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng, các đồng chí nguyên Thứ trưởng Bộ Xây dựng Trần Văn Huỳnh, Nguyễn Văn Liên, Tống Văn Nga đã đến dự.

Dự Lễ kỷ niệm có đại diện các Bộ ngành trung ương và các địa phương, các tập đoàn, tổng công ty, công ty trong và ngoài ngành Xây dựng; các cục, vụ, viện thuộc Bộ Xây dựng cùng với đại diện lãnh đạo các đơn vị thành viên của Cty và đại diện đội ngũ CBCNV đang công tác và đã công tác tại Cty qua các thời kỳ.

Chủ tịch Cty Trương Văn Hùng đã trình bày báo cáo tổng kết quá trình xây dựng và trưởng thành của Công ty trong 50 năm qua.

Ngày 6/10/1960 Viện Khảo sát địa chất (nay là Cty TNHH nhà nước một thành viên Khảo sát và xây dựng USCo) được thành lập theo quyết định của Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng). Trong suốt nửa thế kỷ, cùng với sự lớn mạnh của ngành Xây dựng, Cty đã không ngừng phát triển tăng nhanh về số lượng lớn mạnh về chất lượng đội ngũ với những chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý, kỹ sư, kỹ thuật và công nhân lành nghề, dày dặn kinh nghiệm, đang sở hữu hệ thống cơ sở vật chất trang thiết bị tiên tiến đồng bộ, hiện đại. Những người khảo sát và xây dựng đã có mặt trên mọi miền đất nước, các thế hệ CBCNV Cty đã không ngừng nỗ lực phấn đấu, vượt qua nhiều khó khăn thử thách hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Bộ Xây dựng giao cho góp phần vào sự nghiệp xây



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, thứ trưởng Thường trực Bộ Xây dựng Cao Lại Quang trao Huân chương Độc lập hạng III cho Tập thể Công ty

dựng cơ sở vật chất, phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ tổ quốc.

Vào những ngày đầu mới thành lập, với nhiệt tình cách mạng và quyết tâm vươn lên nắm vững khoa học kỹ thuật, Viện đã hoàn thành hầu hết các công trình khảo sát của kế hoạch 5 năm do Bộ Kiến trúc giao.

Trong những năm khó khăn gian khổ, không quân Mỹ đánh phá ác liệt miền Bắc, những người khảo sát đã đi khắp các nẻo đường sản xuất và chiến đấu, phục vụ công tác quy hoạch, điều tra số liệu khảo sát ở những vùng bị đánh phá đồng thời đào tạo lực lượng chuẩn bị cho thời kỳ xây dựng lại đất nước khi chiến tranh chống Mỹ kết thúc.

Sau ngày đất nước thống nhất, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, ngành Xây dựng bước vào một giai đoạn mới. Trước yêu cầu mới của công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, đưa cả nước tiến lên CNXH, tổ chức của Viện đã được sửa đổi trở thành Công ty Khảo sát đo đạc xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng. Công việc bộn bề nhưng với nỗ lực và quyết tâm cao

Cty vẫn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ đo đạc giúp thực hiện nhanh chóng công tác quy hoạch các thị xã Đồng Hới, Vĩnh Linh, Phú Lý,...và khảo sát địa chất công trình phục vụ xây dựng nhiều công trình diễn ra với tốc độ nhanh, tiến độ gấp trong cả nước như nhiệt điện Phả Lại, thủy điện Trị An, Hoà Bình,...

Năm 1978, để thống nhất lực lượng khảo sát theo cơ cấu tổ chức mới, Bộ Xây dựng đã quyết định hợp nhất Cty Khảo sát đo đạc xây dựng và Cty Khảo sát trữ lượng VLXD thành Liên hiệp các Xí nghiệp khảo sát xây dựng. Với tầm nhìn chiến lược của Nhà nước và Bộ Xây dựng tạo mọi điều kiện phát triển nhanh chóng lực lượng khảo sát, đáp ứng nhu cầu tái thiết đất nước, Liên hiệp được Nhà nước tăng cường năng lực thông qua tiếp nhận các đề án VIE-76-105 và VIE 84-003 do UNDP tài trợ mua sắm thiết bị và đào tạo. Sự đầu tư đó đã mở đầu thời kỳ phát triển nhảy vọt của Liên hiệp về số lượng và chất lượng cả về thiết bị và con người. Với năng lực có bước phát triển vượt bậc Liên hiệp tham gia khảo sát nhiều công trình trọng điểm lúc đó như các nhà máy xi măng, thủy điện Hoà Bình, Trị An, Lọc hoá dầu Tuy Hạ,...

Bước vào thời kỳ đổi mới, chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường có định hướng XHCN, năm 1996 thực hiện chủ trương cơ cấu lại các liên hiệp của Bộ, Liên hiệp được chuyển đổi thành Cty Tư vấn khảo sát đo đạc xây dựng, đến tháng 3/1997 đổi tên thành Cty Khảo sát và xây dựng. Tháng 5/2004 Cty là một trong 14 doanh nghiệp nhà nước được lựa chọn thí điểm chuyển sang mô hình Cty TNHH Nhà nước một thành viên, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp qua đó được tăng cường thêm tính chủ động trong điều hành sản xuất. Nhờ vậy nhiều trung tâm sản xuất được thành lập, cơ chế quản lý được cải tiến phù hợp với cơ chế thị trường, tạo động lực khai thác được sức mạnh tổng hợp của toàn Cty. Cty mở rộng thêm được địa bàn hoạt động, trang thiết bị được đầu tư nâng cao năng lực, tăng cường cả về con người và thiết bị, đáp

ứng yêu cầu của xã hội phù hợp với tốc độ xây dựng phát triển nhanh trong cả nước.

Cty đã tham gia khảo sát nhiều công trình có khối lượng thi công lớn, yêu cầu kỹ thuật cao, tiến độ thi công gấp và nhiều công trình trọng điểm của thủ đô. Trong lĩnh vực địa chất thủy văn Cty là một trong các đơn vị hàng đầu trong công tác tìm kiếm, điều tra nguồn nước phục vụ sinh hoạt cho các đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư.

Cơ sở vật chất kỹ thuật được quan tâm đầu tư thích đáng. Hệ thống các phòng thí nghiệm hợp chuẩn được bổ sung nhiều thiết bị hiện đại, tự động hoá, có độ chính xác cao. Cty tích cực đầu tư các thiết bị tiên tiến đáp ứng yêu cầu cầu lập bản đồ số, định vị bằng vệ tinh GPS, phục vụ hiệu quả công tác quy hoạch trong cả nước.

Với chủ trương đa dạng hoá hoạt động, mở rộng sản xuất kinh doanh, Cty đã xây dựng lực lượng, vươn ra các lĩnh vực tư vấn thiết kế, lập dự án đầu tư các công trình VLXD. Với kinh nghiệm về địa chất công trình, Cty mở rộng sang lĩnh vực xử lý nền móng. Cty đã có đồng bộ thiết bị chuyên ngành cọc nhồi, từ khoan xoay đến khoan đập cấp, đường kính cọc đến 1.500 m, chiều sâu khoan tới 80 m. Cty đã tham gia thi công cọc khoan nhồi cho nhiều dự án với khối lượng thi công lớn, tiến độ thi công gấp, trong điều kiện địa chất cactơ phức tạp.

Cty đã soạn thảo và trình Bộ Xây dựng ban hành nhiều tài liệu tiêu chuẩn ngành và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, góp phần tăng năng suất lao động trong lĩnh vực khảo sát, đo đạc xây dựng.

Trong 10 năm trở lại đây, Cty đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm, giá trị tổng sản lượng đạt trên 230 tỷ đồng, doanh thu đạt gần 200 tỷ đồng/năm (doanh thu tăng 8 lần, lợi nhuận tăng 10 lần, nộp ngân sách tăng 10 lần).

Từ lúc ban đầu mới thành lập chỉ có 136 cán bộ, 2 kỹ sư xây dựng, đến nay Cty đã có đội ngũ kỹ thuật đông đảo với gần 300 tiến sỹ, thạc

sỹ, kỹ sư, cử nhân và công nhân lành nghề đủ sức đảm đương công việc khảo sát và xây dựng đáp ứng các yêu cầu thị trường, đặc biệt các dự án do nước ngoài thiết kế theo tiêu chuẩn tiên tiến trên thế giới. Thương hiệu USCo ngày càng được củng cố, được các chủ đầu tư trong và ngoài nước tin tưởng.

Nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập, Cty vinh dự được Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Ba.

Nhân dịp này Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã gửi thư chào mừng CBCNV và người lao động của Cty. Bộ trưởng đánh giá cao các thành tựu trong xây dựng và phát triển của Cty: "Trong suốt 50 năm xây dựng và trưởng thành, đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân và người lao động của Cty đã không ngừng nỗ lực, phấn đấu, vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, đóng góp một phần quan trọng cho sự thành công của những dự án, công trình xây dựng trên mọi miền của Tổ quốc. Cty đã từng bước lớn mạnh cả về lượng cũng như

về chất với đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm và được đào tạo bài bản, hệ thống cơ sở vật chất trang thiết bị đồng bộ, hiện đại. Cty đã đảm đương các nhiệm vụ khó khăn, phức tạp tại nhiều dự án trọng điểm như Nhà máy lọc hoá dầu Dung Quất, Nghi Sơn, cầu Sông Gianh, Cầu Thơ,... Đó là những cố gắng và nỗ lực rất đáng trân trọng của tập thể CBCNV và người lao động của Cty TNHH Nhà nước một thành viên Khảo sát và xây dựng".

Phát huy truyền thống vẻ vang các thế hệ CBCNV Cty Khảo sát và xây dựng USCo quyết tâm đoàn kết, ra sức phấn đấu lao động hết mình để xây dựng Cty mạnh về chuyên môn, khoẻ về năng lực thi công, đủ sức cạnh tranh trong cơ chế mới, hướng đến sự phát triển ổn định và bền vững để USCo mãi là ngôi nhà chung làm tự hào và rạng danh những người khảo sát xây dựng.

Huỳnh Phước

Tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển của Tổng Công ty DIC và Tổng Công ty LICOGI giai đoạn 2006 -2010, kế hoạch 2011 -2015

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc rà soát, kiểm tra tình hình hoạt động của các Tập đoàn, tổng công ty nhà nước, Bộ Xây dựng đã có văn bản yêu cầu các Tập đoàn, Tổng công ty trực thuộc Bộ báo cáo toàn diện tình hình sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển giai đoạn 2006-2010, kế hoạch năm 2011 và kế hoạch giai đoạn 2011-2015, ngày 27/10/2010 tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã chủ trì cuộc họp nghe lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần đầu tư phát triển xây dựng (DIC), Tổng Công ty xây dựng và phát triển hạ tầng (LICOGI) báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2010, kế hoạch 2011 và kế hoạch giai đoạn 2011-2015. Tham dự cuộc họp còn có Thứ trưởng thường trực Cao Lại

Quang, Thứ trưởng Trần Văn Sơn, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp xây dựng Việt Nam, lãnh đạo các Vụ chức năng của Bộ Xây dựng.

Thay mặt lãnh đạo TCty DIC, Tổng Giám đốc Nguyễn Thiện Tuấn đã trình bày báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD) giai đoạn 2006 -2010, kế hoạch năm 2011 và giai đoạn 2011 -2015.

Theo báo cáo, trong giai đoạn 2006-2010, tổng giá trị SXKD của TCty DIC ước thực hiện 15.889 tỷ đồng, bằng 377,8% tổng giá trị SXKD thực hiện giai đoạn 2001-2005. Doanh thu 12.523 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 2.231 tỷ đồng, tổng vốn đầu tư phát triển 5.931 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 971 tỷ đồng.

Chiến lược phát triển giai đoạn 2011 - 2015 của TCty DIC định hướng thực hiện tổng giá trị SXKD 41.700 tỷ đồng, bằng 262,4% so với tổng giá trị SXKD thực hiện trong giai đoạn 2006 - 2010; tổng doanh thu 32.000 tỷ đồng, bằng 255%, vốn đầu tư phát triển 17.600 tỷ đồng, bằng 296,7%, lợi nhuận 5.000 tỷ đồng, bằng 224,1%, nộp ngân sách nhà nước 2.508 tỷ đồng, bằng 258,2% so với thực hiện trong giai đoạn 2006-2010, tổng vốn điều lệ dự kiến 2.500 tỷ đồng.

Trong giai đoạn 2011-2015, TCty DIC dự kiến đầu tư 22 dự án phát triển nhà và đô thị với tổng vốn đầu tư 9.340 tỷ đồng; 05 dự án khu công nghiệp với tổng vốn đầu tư dự kiến 2.059 tỷ đồng; 07 dự án sản xuất VLXD với tổng vốn đầu tư dự kiến 678 tỷ đồng; 08 dự án phát triển hạ tầng với tổng vốn đầu tư dự kiến 3.299 tỷ đồng; đầu tư mua sắm thiết bị 450 tỷ đồng; đầu tư vào các lĩnh vực khác 1.844 tỷ đồng.

Về cơ cấu, tỷ trọng lĩnh vực sản xuất kinh doanh, xây lắp chiếm tỷ trọng 26,5% tương ứng 11.070 tỷ đồng; sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng 9.930 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 23,8%; kinh doanh nhà đất 11.940 tỷ đồng, tỷ trọng 28,6%; kinh doanh khác 8.760 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 21,1%.

Các công trình có quy mô lớn mà TCty DIC triển khai trong giai đoạn 2011 -2015 gồm những dự án do TCty làm chủ đầu tư: Khu trung tâm Chí Linh, Khu đô thị du lịch sinh thái Đại Phước, Khu đô thị mới Nam Vĩnh Yên, Khu Biệt thự An Sơn (Đà Lạt), Hạ tầng cụm công nghiệp Tam Phước (Bà Rịa-Vũng Tàu), hạ tầng kỹ thuật Khu dịch vụ hậu cần cảng Tân Thành, Cảng thông quan nội địa và dịch vụ công nghiệp Thanh Liêm (Hà Nam), Khu công nghiệp xen dân cư Xuân Thới Thượng - Tp. Hồ Chí Minh, Khu đô thị mới và dịch vụ Long Tân Nhơn Trạch - Đồng Nai...

Về sản xuất vật liệu xây dựng, TCty DIC tiếp tục đầu tư sản xuất các sản phẩm chủ yếu như gạch xây tuynen, gạch lát bê tông tự chèn,

gạch lát Terrazzo, ceramic, granite, ngói màu, đá ốp lát, đá xây dựng, bê tông thương phẩm, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa nóng, xi măng đen, cửa nhựa lõi thép; phát triển một số sản phẩm mới kim loại màu, nhựa, chất dẻo, cao su... dùng trong xây dựng theo nhu cầu, thị hiếu của thị trường.

Lĩnh vực kinh doanh bất động sản là một trong 3 mặt hoạt động chính của DIC, sản phẩm chủ yếu là căn hộ chung cư, nhà liên kế, biệt thự xây thô, kinh doanh đất có hạ tầng, dự án cấp II.

Theo đánh giá của Vụ Kế hoạch - Tài chính Bộ Xây dựng, các số liệu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2006-2010 của TCty DIC đã được kiểm toán, thể hiện sự rõ ràng, minh bạch về tài chính, tốc độ tăng trưởng bình quân cao, trong cả giai đoạn đạt xấp xỉ 30%. Kế hoạch đề ra cho giai đoạn 2011-2015 của TCty DIC là hợp lý, dựa trên cơ sở các dự án đã có (đã hoàn thành thủ tục phê duyệt đầu tư). Tuy nhiên, để đáp ứng nhu cầu đầu tư phát triển, TCty DIC cần đề ra các biện pháp rõ ràng về khả năng huy động vốn đầu tư cho các dự án và phương án về nguồn nhân lực thực hiện.

Phát biểu tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân cho rằng, qua báo cáo cho thấy tình hình sản xuất kinh doanh của TCty DIC khá tốt, bản kế hoạch 2011-2015 được lập đã có tính toán và đảm bảo tăng trưởng cao, hiệu quả, số liệu tài chính minh bạch. Tuy nhiên lãnh đạo TCty DIC cần chú ý bên cạnh việc phấn đấu đạt các chỉ tiêu tăng trưởng đã đề ra trong kế hoạch phải quan tâm đến tăng trưởng bền vững, phải điều chỉnh cơ cấu sản xuất kinh doanh hợp lý, nghiên cứu các giải pháp tổ chức bộ máy quản lý, đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Cũng tại Hội nghị này, thay mặt lãnh đạo TCty LICOGI, Tổng Giám đốc Vũ Tiến Giao đã trình bày báo cáo đánh giá toàn diện tình hình

sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển giai đoạn 2006-2010 và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011-2015 của TCty.

Theo báo cáo, ngay từ đầu năm 2010, TCty LICOGI đã chủ động đánh giá, rà soát, cân đối các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển cho phù hợp với thực tế, khắc phục những tồn tại nên ước thực hiện giá trị sản xuất kinh doanh trong năm 2010 có những kết quả khả quan. Về sản lượng SXKD ước đạt 6.991 tỷ đồng, bằng 107% kế hoạch và tăng trưởng 21,6% so với thực hiện năm 2009, doanh thu 5.723 tỷ đồng đạt 110% kế hoạch, tăng 25,6% so với thực hiện năm 2009, lợi nhuận trước thuế 384 tỷ đồng bằng 113% kế hoạch năm, đầu tư và xây dựng 1.021 tỷ đồng, bằng 104% kế hoạch.

Hoạt động xây lắp vẫn là lĩnh vực sản xuất kinh doanh chủ yếu của TCty LICOGI. năm 2010, LICOGI tiếp tục triển khai thi công các công trình thủy điện: Sơn La, Bản Chát, Bắc Hà, Đồng Nai 3, Sông Tranh 2; Đăkđrinh, Lai Châu... và các công trình khác: san nền và nắn dòng sông Mông Dương thuộc dự án nhà máy nhiệt điện Mông Dương; khoan cọc nhồi tại các dự án: Trụ sở Công an thành phố Hồ Chí Minh, Nhà Quốc hội, chung cư cao tầng Metro Tower, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, dự án đường 5 kéo dài... Giá trị xây lắp của toàn TCty năm 2010 ước đạt 4.442 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 63,5% trong tổng giá trị sản lượng SXKD.

Tổng Công ty LICOGI chủ trương đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án mà TCty và các đơn vị thành viên đang đầu tư để sớm đưa vào vận hành khai thác như: Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt, Thủy điện Bắc Hà, Cao ốc văn phòng làm việc và trụ sở (LICOGI 9), Khu đô thị Nam Ga Hạ Long, Khu đô thị đồi T5, Dự án Yên Thanh - Uông Bí (LICOGI 2), Tòa nhà hỗn hợp văn phòng và nhà ở LICOGI 12, Trụ sở văn phòng và căn hộ cao cấp cho thuê (LICOGI 13), Khu đô thị Minh Phương (LICOGI 14), Dự án công trình Dịch vụ văn phòng và nhà ở (LICOGI 18)

... Tiến hành thủ tục đầu tư Dự án Trụ sở TCty là G1 Thanh Xuân Nam - Hà Nội, Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2, Thủy điện Bảo Nhai...

Dự kiến kế hoạch năm 2011-2015, sản lượng xây lắp vẫn là chủ đạo của TCty LICOGI với mục tiêu đạt 29.713 tỷ đồng, tăng 1,71 lần so với thực hiện trong giai đoạn 2006-2010, phát huy thế mạnh ngành nghề mũi nhọn của TCty về xử lý nền móng, công trình ngầm, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình công nghiệp và dân dụng. Giá trị sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng định hướng cả giai đoạn là 12.668 tỷ đồng, tăng 2,2 lần so với thực hiện giai đoạn 2006-2010 với các sản phẩm truyền thống như thép đúc, giàn không gian, tấm lợp, nhôm thanh định hình, cốt pha định hình, gạch tuynen. Về đầu tư phát triển, trong giai đoạn 2006-2010, TCty dự kiến tổng vốn đầu tư khoảng 11.203 tỷ đồng trong các lĩnh vực thủy điện, khu đô thị, khu công nghiệp, trang thiết bị công nghệ...

Phát biểu tại Hội nghị, ông Lê Văn Quế - Chủ tịch Tập đoàn công nghiệp xây dựng Việt Nam cho biết, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn những trong năm 2009 và 2010, sản xuất kinh doanh của TCty LICOGI có tăng trưởng, giải quyết được công ăn việc làm cho người lao động, thể hiện những nỗ lực vượt khó của ban lãnh đạo TCty. Bản kế hoạch 5 năm 2011-2015 của TCty LICOGI được xây dựng rất tích cực, tuy nhiên nhìn vào cơ cấu SXKD, sản lượng xây lắp vẫn là chủ đạo chiếm 64-65% cho thấy sự thiếu chắc chắn của tăng trưởng do phụ thuộc nhiều vào thị trường xây lắp. TCty LICOGI cần từng bước thay đổi cơ cấu sản xuất kinh doanh, tăng cường đầu tư thiết bị công nghệ cho ngành nghề chủ đạo về xây dựng hạ tầng.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Quân đã nhận định, Tổng Công ty LICOGI là đơn vị đang gặp khó khăn, nhất là về tài chính: vốn chủ sở hữu thấp, tỷ trọng đầu tư thấp, ngành nghề chủ yếu vẫn là xây lắp nên không chủ động được về công việc, các đơn vị

thành viên của TCty chưa chú trọng đến công tác đầu tư, dựa dẫm nhiều vào công ty mẹ... Trong thời gian tới, lãnh đạo Tập đoàn và lãnh đạo TCty LICOGI cần bàn bạc các giải pháp tháo gỡ khó khăn, từng bước chuyển dịch cơ cấu sản xuất, chú trọng đầu tư cho khoa học công nghệ trong các lĩnh vực ngành nghề sản

xuất truyền thống để nâng cao khả năng cạnh tranh, tiến hành sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp để đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp, tăng cường đầu tư phát triển.

Minh Tuấn

Thị xã Cao Bằng được công nhận là đô thị loại III

Ngày 18/10/2010 Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 926/QĐ-BXD công nhận thị xã Cao Bằng tỉnh Cao Bằng là đô thị loại III.

Cao Bằng là cái nôi của cách mạng Việt Nam và là nơi có rất nhiều điểm di tích danh lam thắng cảnh, lịch sử nổi tiếng như hang Pac Bó, cửa khẩu quốc tế Tà Lùng, và nhiều cửa khẩu tiểu ngạch khác.

Thị xã Cao Bằng nằm ở vùng Đông Bắc Tổ quốc, là một đô thị miền núi trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh Cao Bằng. Thị xã có nhiều lợi thế phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt là thương mại - dịch vụ - du lịch vì tỉnh Cao Bằng nối liền với tỉnh Lạng Sơn theo quốc lộ 4, với tỉnh Thái Nguyên theo quốc lộ 3 và với tỉnh Hà Giang theo tỉnh lộ 204.

Thị xã là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội của cả tỉnh Cao Bằng, là đầu mối giao thông quan trọng, là trung tâm đào tạo các bậc cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật, trung tâm y tế của tỉnh.

Trong những năm vừa qua được sự quan tâm hỗ trợ của Đảng bộ và chính quyền tỉnh, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thị xã đã tập trung các nguồn lực đầu tư cho phát triển đô thị, việc phát triển kinh tế, xã hội và xây dựng của Thị xã đã đạt được những thành tựu tích cực, đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của đô thị loại III, đem lại cho Thị xã một diện mạo mới, tương xứng với một đô thị trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh. Kinh tế tăng trưởng ổn định nhiều năm liền, cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lý theo hướng tăng tỷ trọng lĩnh vực công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ giảm tỷ trọng nông nghiệp,

tỷ lệ hộ nghèo giảm, đời sống nhân dân được nâng cao, chất lượng sống đô thị được cải thiện. Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm giai đoạn 2007-2009 đạt 24,3%; thu ngân sách địa phương năm 2009 là 85,77 tỷ đồng; cân đối dư; thu nhập bình quân đầu người năm 2009 đạt 630 USD/người; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,74%; mức tăng dân số trung bình năm 2009 là 1,0% đạt quy định so với đô thị vùng cao, mật độ dân số đô thị: 9,879 người/km²; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là 86,7%; tỷ lệ đô thị hoá đạt 89,4%.

Thị trấn đã tập trung cao cho việc xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang đô thị và tăng cường quản lý xây dựng đô thị theo quy hoạch, đảm bảo đô thị phát triển bền vững, coi trọng phát huy nội lực, khuyến khích và khai thác tốt nguồn lực đầu tư phát triển nhà ở. Diện tích nhà ở khu vực nội thị bình quân là 20 m² sàn/người; tỷ lệ nhà kiên cố, và bán kiên cố là 49.71%.

Cùng với phát triển nhà ở, các công trình công cộng cũng được đầu tư xây dựng đồng bộ góp phần cải thiện đời sống nhân dân. Diện tích đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở bình quân đạt 2,98 m²/người; đất dân dụng khu vực nội thị là 103,9 m²/người; đất xây dựng công trình công cộng cấp đô thị: 10,05 m²/người. Trên địa bàn Thị xã có bệnh viện đa khoa tỉnh, bệnh viện y học cổ truyền, bệnh viện đa khoa thị xã, trạm y tế, bình quân đạt 6,69 giường/1.000 dân; có 6 cơ sở giáo dục đào tạo; 8 trung tâm văn hoá, 14 trung tâm thể dục thể thao và 8 trung tâm thương mại dịch vụ. Các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, cấp điện, chiếu sáng, cấp thoát nước và thu gom,

xử lý chất thải cũng đã được đầu tư phát triển phục vụ có hiệu quả cho sự phát triển kinh tế, xã hội và cải thiện các điều kiện vệ sinh môi trường đô thị. Thị xã có quốc lộ 3, quốc lộ 4A là đầu mối giao thông cấp vùng - tỉnh - quốc gia. Tỷ lệ đất giao thông nội thị là 17,4%; diện tích đất giao thông /dân số nội thị là 19,8 m²/người. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%. Diện tích đất cây xanh đô thị đạt 23,41 m²/người; diện tích đất cây xanh công cộng khu vực nội thị: 5,97 m²/người. Chất thải rắn được thu gom đạt 85%; tỷ lệ chất thải rắn được xử lý (chôn lấp hợp vệ sinh) đạt 85%.

Từ năm 2006 Thị xã đã xây dựng và triển khai thực hiện quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, tiến hành xây dựng khu đô thị mới đồng thời với cải tạo chỉnh trang đô thị, xây dựng các tuyến phố văn minh, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn. Khu đô thị mới Đề Thám đang được giải phóng mặt bằng và xây dựng kết cấu hạ tầng; năm 2009 đã cải tạo, chỉnh trang 2 khu vực trong đô thị; năm 2010 đã triển khai thực hiện kế hoạch xây



Thư trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng chủ trì Hội nghị thẩm định đề án nâng cấp đô thị Cao Bằng

dựng và duy trì 6 tuyến phố văn minh đô thị. Tỷ lệ các công trình văn hoá, lịch sử, di sản được trùng tu, tôn tạo đạt 71%.

Việc công nhận Thị xã Cao Bằng là đô thị loại III sẽ tạo cho Thị xã thế và lực mới trong xu thế hội nhập và tác động lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Thị xã nói riêng, của tỉnh Cao Bằng và vùng kinh tế Đông Bắc nói chung.

Huỳnh Phước

Thị xã Sông Công được công nhận là đô thị loại III

Ngày 18/10/2010 Bộ Xây dựng đã có quyết định số 925/QĐ-BXD công nhận thị xã Sông Công tỉnh Thái Nguyên là đô thị loại III.

Thị xã Sông Công được thành lập theo quyết định số 113/QĐ-HĐBT ngày 11/4/1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ). Thị xã nằm ở phía Bắc thủ đô Hà Nội, trong vùng công nghiệp xung quanh thủ đô với bán kính 60 km, cách thành phố Thái Nguyên 20 km về phía Nam, cách sân bay quốc tế Nội Bài 45 km theo quốc lộ 3, cách Hồ Núi Cốc 17 km, có các tuyến đường quốc lộ 3, đường sắt Hà Nội - Quán Triều chạy qua phía Đông thị xã.

Ngay từ khi thành lập, Thị xã được xác định là đô thị công nghiệp với nòng cốt là khu công nghiệp cơ khí tập trung Gò Đầm. Ngay thời kỳ đó, Sông Công đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khá bài bản... Sau 25 năm

phát triển, Thị xã đã có nhiều đổi thay sâu sắc về mọi mặt. Với diện tích 8.364 ha, dân số 72.700 người, Thị xã hiện là trung tâm kinh tế - văn hóa, khoa học kỹ thuật ở khu vực phía Nam của tỉnh đồng thời là đô thị công nghiệp của tỉnh. Sông Công được đánh giá là có tiềm năng đất đai phong phú, trong đó quỹ đất để phát triển công nghiệp và đô thị dồi dào.

Những năm qua, Thị xã có những bước tăng trưởng rõ rệt. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần đây đạt 19,45%; cân đối thu chi ngân sách là cân đối dư; năm 2009 tỷ lệ hộ nghèo là 6,03%, thu nhập bình quân đầu người đạt 22,38 triệu đồng/người. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ - thương mại có bước phát triển nhảy vọt, góp phần quan trọng cho sự tăng trưởng chung của Thị xã. Tỷ lệ đô

thị hoá đạt 61,08%; tỷ lệ tăng dân số trung bình năm 2009 là 1,6%; mật độ dân số: 8.457 người/km². Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: 82,64%.

Do được quan tâm đầu tư thích đáng, việc phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đạt những kết quả tích cực. Diện tích sàn nhà ở bình quân khu vực nội thị là 20,44 m²/người; tỷ lệ nhà kiến cố, khá kiên cố và bán kiên cố khu vực nội thị là 73,1%. Đất xây dựng công trình công cộng cấp khu ở đạt 2,61 m²/người; đất dân dụng: 78,45 m²/người; đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng: 9,02 m²/người. Thị xã có các cơ sở y tế đạt tiêu chuẩn 5 giường/người dân; 7 cơ sở giáo dục, đào tạo; 4 công trình văn hoá;...

Hệ thống giao thông đô thị đang dần từng bước hoàn thiện. Sông Công có các đầu mối giao thông cấp tỉnh; tỷ lệ đất giao thông khu vực nội thị so với đất xây dựng trong khu vực đạt 18,99%; mật độ đường chính trong khu vực nội thị: 3,54 km/km²; diện tích đất giao thông/dân số nội thị đạt 22,45 m²/người.

Các nguồn cung cấp điện, nước và thoát nước có khả năng đáp ứng tốt cho sản xuất công nghiệp và sinh hoạt của đô thị. Tiêu chuẩn cấp nước đô thị đạt 115 lít/người/ngày đêm; tỷ lệ dân số khu vực nội thị được dùng nước sạch là 60,21%; tỷ lệ thất thoát nước dưới 30%. Mật độ đường thoát nước chính khu vực nội thị: 5,5 km/km²; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt 37%; tỷ lệ các cơ sở mới xây dựng có trạm xử lý nước thải: 81%. Chỉ tiêu cấp

điện sinh hoạt nội thị đạt 386,4 Kwh/người/năm; tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 100%; tỷ lệ ngõ hẻm được chiếu sáng: 68%. Bình quân đất cây xanh đô thị là 10,1 m²/người; bình quân đất cây xanh công cộng khu vực nội thị: 6,71 m²/người. Tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được thu gom là 91,7%; tỷ lệ chất thải rắn khu vực nội thị được xử lý: 81,3%.

Thị xã đã có quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị. Trong thời gian qua thị xã đã tiến hành cải tạo, chỉnh trang 6 khu vực trong đô thị. Tỷ lệ tuyến phố văn minh trên tổng số đường phố chính đạt 25%.

Thị xã có một số công trình kiến trúc tiêu biểu, công trình văn hoá, di tích lịch sử, danh thắng được Chính phủ, Bộ Văn hoá - Thể thao - Du lịch và UBND tỉnh công nhận như: Cảng Bá Vân, chùa Bá Xuyên, đền Phố Cò. Tỷ lệ các công trình văn hoá lịch sử và kiến trúc tiêu biểu được trùng tu, tôn tạo đạt 60%.

Được công nhận là đô thị loại III Thị xã Sông Công sẽ có những điều kiện thuận lợi tập trung mọi nguồn lực, phấn đấu phát huy hơn nữa tiềm năng, lợi thế để phát triển toàn diện các mặt kinh tế, văn hoá, xã hội, góp phần xây dựng Thị xã giàu đẹp, văn minh, xứng đáng với vị thế là trung tâm công nghiệp lớn và đô thị bản lề, trung chuyển giữa vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

Huỳnh Phước

Xây dựng đô thị tiết kiệm nước - kinh nghiệm của thành phố Giang Dương - Trung Quốc

I. Tăng cường chỉ đạo, thiết thực hoàn thành trách nhiệm mục tiêu

Xây dựng đô thị tiết kiệm nước là công trình hệ thống (systems engineering) xã hội, liên quan mật thiết tới mọi đơn vị, mọi ngành nghề trong xã hội. Nhằm bảo đảm cho công tác xây dựng đô thị tiết kiệm nước tiến hành thuận lợi,

thành phố Giang Dương đã thành lập “Ban chỉ đạo xây dựng đô thị tiết kiệm nước thành phố Giang Dương” do Thị trưởng thành phố làm trưởng ban, với các ủy viên là đại diện lãnh đạo của 28 sở, ngành chức năng như phát triển và cải cách, thông tin, kinh tế, xây dựng, nhà ở, tài chính, thủy lợi...chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ

đạo, giám sát, kiểm tra công tác xây dựng đô thị tiết kiệm nước. Ban chỉ đạo có Văn phòng Ban chỉ đạo, dưới Văn phòng có Phòng Xây dựng phụ trách công tác hàng ngày trong xây dựng đô thị tiết kiệm nước. Các ngành hữu quan cũng thành lập bộ máy lãnh đạo và ban xây dựng đô thị tiết kiệm nước, xác định lãnh đạo quản lý cụ thể từng khâu và liên hệ chặt chẽ với nhau, xây dựng chế độ hữu quan. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản lý tiết kiệm nước sạch đô thị, hình thành cục diện chính quyền lãnh đạo thống nhất, các ngành phân công phụ trách, xã hội tham gia rộng rãi.

Căn cứ vào yêu cầu cụ thể của “Hướng dẫn thực hiện mục tiêu xây dựng đô thị tiết kiệm nước” và “Tiêu chuẩn kiểm tra”, thành phố Giang Dương đã xây dựng “Phương án xây dựng đô thị tiết kiệm nước thành phố Giang Dương” và “Bảng phân công trách nhiệm”, giao nhiệm vụ, mục tiêu xây dựng đô thị tiết kiệm nước cho các thành viên Ban chỉ đạo, định lượng và cụ thể hóa các công tác, đồng thời xây dựng chế độ trách nhiệm mục tiêu xây dựng đô thị tiết kiệm nước, tạo cơ sở vững chắc cho công tác xây dựng đô thị tiết kiệm nước.

II. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xây dựng phong trào tiết kiệm nước

Nhằm tạo ra phong trào tiết kiệm nước, thành phố Giang Dương đã thúc đẩy các điểm, mở rộng diện, tạo nên phong trào tiết kiệm nước, đưa công tác tiết kiệm nước tới từng nhà, từng hộ, mọi người dân đều tham gia.

Công tác thông tin tuyên truyền về tiết kiệm nước được thành phố Giang Dương hết sức chú trọng. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến tri thức về tiết kiệm nước và ý nghĩa của việc sử dụng tiết kiệm nước sạch, phổ biến kỹ thuật mới, công nghệ mới về tiết kiệm nước, khiến cho người dân tự giác xây dựng thói quen tiết kiệm nước; tuyên truyền pháp luật về tiết kiệm nước, kịp thời thông báo những chính sách, kỹ thuật mới về tiết kiệm nước của thành phố Giang Dương và các địa

phương khác, khiến cho công tác tuyên truyền tiết kiệm nước trở nên sâu rộng.

Các ngành, các cơ quan cùng thúc đẩy nhau tiết kiệm nước. Chính quyền thành phố tổ chức Ban tiết kiệm nước và các ngành hữu quan dán áp phích, treo băng rôn, tư vấn, phát tờ rơi tuyên truyền về tiết kiệm nước, viết báo tường, quảng cáo ở các bến xe công cộng... trong phạm vi thành phố vào các dịp như “Ngày nước sạch thế giới”, “Tuần lễ tiết kiệm nước thành phố”, “Tuần lễ nước sạch Trung Quốc”, “Ngày môi trường thế giới”... hàng năm, tăng cường giáo dục tri thức và ý thức tiết kiệm nước trong toàn xã hội, hình thành cục diện chính quyền động viên, xã hội tham gia, các bên phối hợp cùng quản lý cùng xây dựng, mọi người đều tiết kiệm nước. Xoay quanh chủ đề “tăng cường ý thức của toàn dân, xây dựng đô thị tiết kiệm nước”, triển khai các hoạt động như thi viết thơ ca, hò vè về tiết kiệm nước, thi hiểu biết về tiết kiệm nước, diễn giảng về tiết kiệm nước, tuyên truyền tiết kiệm nước...

Để đạt được mục tiêu “xây dựng đô thị tiết kiệm nước, người người tham gia”, các cộng đồng trong xã hội triển khai các hoạt động như bình xét thành tích tiết kiệm nước, treo biểu ngữ tuyên truyền...triển lãm tranh ảnh về tiết kiệm nước, thi tìm hiểu về tiết kiệm nước..., tạo nên phong trào tiết kiệm nước rầm rộ.

III. Nắm chắc khâu xây dựng chế độ, quản lý khoa học công tác tiết kiệm nước

Để tăng cường công tác quản lý tiết kiệm nước, thành phố Giang Dương đề ra chế độ và quy định quản lý tiết kiệm nước, xây dựng cơ chế tiết kiệm nước với hiệu quả lâu dài, lần lượt đề ra những văn kiện mang tính quy phạm như “Biện pháp quản lý cấp nước và sử dụng tiết kiệm nước thành phố Giang Dương”, “Quy định về xây dựng hạng mục tiết kiệm nước, quán triệt chế độ “ba đồng thời” sử dụng tiết kiệm nước”, “Thông tri về công tác thiết thực tăng cường quản lý nước ngầm”, “Biện pháp thực hiện giá bậc thang đối với nước sinh hoạt thành

phố Giang Dương”..., tạo cơ sở pháp luật cho công tác quản lý cấp nước, tiết kiệm nước và sử dụng nước ngầm của thành phố. Nhằm chỉ đạo quản lý tiết kiệm nước hữu hiệu hơn, thành phố Giang Dương còn đề ra “Quy hoạch sử dụng tiết kiệm nước của thành phố Giang Dương năm 2006 - 2020” và “Quy hoạch công trình cấp nước thành phố Giang Dương”, cải thiện môi trường nước và đẩy mạnh khai thác bền vững nguồn tài nguyên nước, bố trí khoa học và hợp lý mạng lưới đường ống chính toàn thành phố, nâng cao năng lực cung ứng nước, quản lý tiết kiệm nước của thành phố sau này.

IV. Tăng cường quản lý kế hoạch, xây dựng hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu

Từ năm 2001 tới nay, thành phố Giang Dương tiến hành quản lý sử dụng nước theo kế hoạch. Đứng trước tình hình thực tế, thành phố đề ra “Định mức sử dụng nước cho một số sản phẩm và một số ngành sản xuất”, phân loại quản lý lượng nước sử dụng của các đơn vị sử dụng nước với tính chất khác nhau, áp dụng biện pháp tính giá lũy tiến đối với các đơn vị sử dụng nước vượt định mức. Đồng thời, kết hợp kiểm tra, giám sát quản lý với thưởng phạt, tăng cường quản lý sử dụng tiết kiệm nước của thành phố và doanh nghiệp, khiến cho công tác quản lý được kế hoạch hóa. Hiện nay, nhằm tăng cường quản lý sử dụng nước theo định mức, thành phố Giang Dương đồng thời vừa thiết kế, thi công và đưa vào sử dụng công trình chủ thể và công trình tiết kiệm nước của các hạng mục xây dựng mới, cải tạo hoặc mở rộng, đưa công tác thẩm tra công trình tiết kiệm nước của công trình xây dựng vào chương trình thẩm tra phê chuẩn hành chính của thành phố, từ đó thực hiện hữu hiệu chế độ “ba đồng thời”.

V. Chú trọng đầu tư nghiên cứu khoa học, tăng cường xây dựng công trình tiết kiệm nước

Để tăng cường công tác quản lý tiết kiệm nước, thành phố đã đẩy mạnh đầu tư, nhanh chóng xây dựng công trình tiết kiệm nước. Một

mặt, thành phố xây dựng và kiện toàn chế độ đầu tư tài chính dành riêng cho công tác tiết kiệm nước, tích cực đầu tư cho dự án nghiên cứu khoa học tiết kiệm nước. Năm 2008, thành phố đầu tư 6,62 triệu NDT cho công tác tiết kiệm nước, một phần trong số đó trợ cấp cho các dự án tiết kiệm nước và dự án nghiên cứu khoa học về tiết kiệm nước của các cơ quan, đơn vị. Năm 2007, ngân sách thành phố đã cấp 5 triệu NDT, xây dựng trạm tự động giám sát nguồn nước sạch đô thị. Mặt khác, tổ chức các ngành như công thương, giám sát chất lượng..., tăng cường kiểm tra trên thị trường thiết bị đựng nước, nghiêm cấm đưa các đồ không tiết kiệm nước vào thị trường, giới thiệu các thiết bị tiết kiệm nước, tuyên truyền và phổ biến công nghệ mới, kỹ thuật mới về tiết kiệm nước. Đồng thời, kết hợp với cải tạo các tiểu khu cũ, tăng thêm mạng lưới đường ống tách riêng nước mưa và nước thải, cải tạo thiết bị đựng nước nhằm mục đích tiết kiệm nước, căn cứ vào kết quả kiểm tra, đề ra kế hoạch cải tạo, biện pháp bố trí sắp đặt từng thời kỳ. Cho tới nay, đã hoàn thành công tác thay đổi vòi nước kiểu cũ và cải tạo các thiết bị không tiết kiệm nước, hiệu quả tiết kiệm nước tăng lên rõ nét.

VI. Tăng cường điều chỉnh tổng hợp, cố gắng cải thiện chất lượng môi trường nước

Gần đây, nhằm tăng cường bảo vệ môi trường, thành phố Giang Dương đã đặt công tác xử lý nước thải lên vị trí quan trọng hơn:

1. Xây dựng chế độ trách nhiệm mục tiêu:

- Thị trường thành phố và thường vụ thành ủy thành phố đã thực hiện chế độ trách nhiệm quản lý đối với các con sông đào, tiến hành giao khoán đối với 30 con sông đào trong thành phố, người chịu trách nhiệm quản lý mỗi con sông đề ra biện pháp xử lý ô nhiễm riêng đối với con sông mà mình phụ trách.

- Thực hiện chế độ cá nhân chịu trách nhiệm, trong đó Bí thư Đảng ủy thị trấn và Chủ tịch thị trấn là người chịu trách nhiệm đầu tiên, hình thành chế độ phân cấp quản lý, phân cấp

thực hiện rất hiệu quả.

- Thực hiện “chế độ chất vấn”, xây dựng và kiện toàn chế độ chất vấn và chế độ truy cứu trách nhiệm đối với công tác bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện chế độ giám sát kiểm tra công tác

Xây dựng Tổ giám sát xử lý môi trường nước thành phố Giang Dương do các ngành hữu quan như ban tổ chức, ủy ban kỷ luật, bảo vệ môi trường, xây dựng... cấu thành, giám sát kiểm tra tình hình quán triệt thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường của lãnh đạo các cấp của thành phố.

Hiện nay, thành phố Giang Dương có 37 nhà máy xử lý nước thải, tổng năng lực xử lý đạt 500 nghìn tấn/ngày. Khu vực nội thành đã xây dựng hơn 1300 km đường ống nước thải, tạo nên ba hệ thống hệ thống nước thải lớn là Thành Nam, Thành Tây và Thành Đông. Đồng thời, nhằm cải thiện chất lượng môi trường nước đô thị, nâng cao hiệu quả xử lý nước thải, thành phố đã tiến hành xây dựng các bể lắng nước thải, giảm bớt số cửa cống xả nước thải. Năm 2007, thành phố đã cắt giảm gần 140 cửa cống xả nước thải xuống sông đào ở khu phố cũ, xử lý nước thải cho diện tích 39 km². Thành phố Giang Dương còn thông qua các biện pháp sáng tạo như kết hợp xây dựng mạng lưới đường ống với xây dựng đường sá, kết hợp xử lý nước thải với xả thẳng nước mưa, xây dựng mạng lưới đường ống với chức năng tổng hợp, kết hợp xây dựng tạm thời với xây dựng vĩnh cửu... để tăng cường bảo vệ môi trường nước.

VII. Quan tâm tới cơ chế quản lý hiệu quả lâu dài, tiếp tục làm tốt công tác trọng điểm

1. Củng cố cơ sở, tăng cường quản lý tiết kiệm nước

Kiện toàn hơn nữa chế độ pháp quy, hoàn thiện chế độ tiết kiệm nước, nhanh chóng đề ra quy hoạch sử dụng nước trong bối cảnh tiết kiệm nước của đô thị; tiếp tục quy phạm chế độ thống kê tiết kiệm nước, nghiên cứu và đề ra hệ thống chỉ tiêu tiết kiệm nước khoa học và hợp

lý; thực hiện nghiêm ngặt hơn nữa quản lý giá lũy tiến vượt định mức, xử phạt thật nghiêm theo quy định hữu quan đối với các đơn vị sử dụng nước vượt định mức và không chịu sự quản lý; kiện toàn và quy phạm công tác thực hiện chế độ “ba đồng thời” tiết kiệm nước.

2. Khai thác tiềm năng, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước hữu hạn

Nhằm sử dụng tối ưu hóa và bền vững nguồn tài nguyên nước ngầm, thành phố Giang Dương có kế hoạch sử dụng nước thải đã xử lý để rửa đường sá, tưới tiêu trong nông nghiệp, sử dụng trong nhà vệ sinh, sử dụng cho công tác chăm sóc cảnh quan môi trường... Tích cực áp dụng kỹ thuật thi công mới, nhanh chóng cải tạo mạng lưới đường ống, hạ thấp tỷ lệ thất thoát nước của mạng lưới cấp nước đô thị. Tăng cường quản lý nước ngầm, hạn chế lượng khai thác, kết hợp khai thác, sử dụng với bảo vệ. Đồng thời, còn tăng cường tận dụng nguồn nước bất thường như nước mưa.

3. Đẩy mạnh phổ biến thiết bị tiết kiệm nước, tăng cường quản lý nước công cộng

Trong quá trình xây dựng đô thị tiết kiệm nước, thành phố Giang Dương đã thông qua xây dựng mô hình doanh nghiệp, xã hội và gia đình tiết kiệm nước, lấy điểm thúc đẩy diện, thúc đẩy toàn cục; đồng thời, tăng cường tuyên truyền và thực hiện “Tiêu chuẩn thiết bị sinh hoạt tiết kiệm nước”, tích cực triển khai công tác phổ cập sử dụng thiết bị tiết kiệm nước, nắm chắc trọng điểm công tác tuyên truyền sử dụng tiết kiệm nước ở các đơn vị hành chính sự nghiệp, tăng cường quản lý nước công cộng, sử dụng rộng rãi nước tái sinh trong các hoạt động xây dựng, vệ sinh môi trường, phủ xanh công viên, môi trường cảnh quan...

(Văn phòng xây dựng đô thị tiết kiệm nước thành phố Giang Dương)

Nguồn: Tạp chí “Xây dựng đô thị và nông thôn” TQ số 6 năm 2010)

ND: Hoàng Thế Vinh

Phát triển đô thị “vườn sinh thái” ở thành phố Cù Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc

Thực hiện mục tiêu xây dựng đô thị “vườn sinh thái”, thành phố Cù Châu, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc đã không ngừng mở rộng và đào sâu mục tiêu công tác, hình thành cục diện phủ xanh kết hợp điểm với tuyến và diện, phủ xanh triệt để, chức năng kiện toàn, sinh thái đa dạng, nhất thể hóa thành thị với nông thôn, tạo ra nét đặc sắc của đô thị “vườn sinh thái”

Thành phố Cù Châu nằm ở miền tây tỉnh Chiết Giang, tiếp giáp với các tỉnh Phúc Kiến, Giang Tây, An Huy, là thành phố văn hóa lịch sử cấp Nhà nước, thành phố du lịch ưu tú của Trung Quốc, thành phố “vườn sinh thái” cấp Nhà nước, là một trong những khu vực có môi trường sinh thái tốt nhất của Trung Quốc. Với tỷ lệ phủ xanh đạt 71%, thành phố Cù Châu còn được gọi là “thiên đường xanh Chiết Giang”. Thành phố có ba huyện Long Du, Khai Hóa và Thường Sơn, hai khu nội thành Kha Thành và Cù Sơn, tổng diện tích 8.841 km², dân số 2,46 triệu người. Trong khu vực nội thành của thành phố có núi non, sông nước, đậm nét nhân văn với tài nguyên tự nhiên và phong cảnh kỳ vĩ.

Gần đây, Thành ủy, Chính quyền thành phố Cù Châu bám chắc thực hiện toàn diện quan điểm phát triển khoa học và mục tiêu xây dựng xã hội hài hòa, xây dựng và củng cố quan niệm phát triển đặc sắc, phát triển khoa học, phát triển sáng tạo, phát triển hài hòa, kiên trì chiến lược ưu tiên sinh thái, ra sức tạo dựng thành phố “vườn sinh thái” hài hòa và đặc sắc. Từ khi triển khai hoạt động xây dựng thành phố “vườn sinh thái” tới nay, Cù Châu luôn kiên trì thúc đẩy xây dựng, quy hoạch tối ưu hóa bố cục sinh thái, tăng cường xây dựng cơ sở, quản lý bằng pháp chế và đã giành được không ít thành quả rõ rệt. Năm 2009, tỷ lệ đất phủ xanh khu vực nội thành đạt 36,92%, tỷ lệ phủ xanh đô thị là 42,16%, diện tích đất phủ xanh công viên bình

quân đầu người đạt 13,04 m². Trong quá trình đô thị hóa kiểu mới, xây dựng đô thị, thành phố Cù Châu luôn nắm chắc các trọng điểm sau:

I. Kiên trì ưu tiên môi trường sinh thái, quy hoạch khoa học, cố gắng tạo dựng thương hiệu “thành phố Cù Châu – thiên đường xanh của Chiết Giang”

Thành phố Cù Châu ôm gọn hai con sông, có phong cảnh sơn thủy hữu tình, có sinh thái tự nhiên và tài nguyên nhân văn phong phú. Thành ủy và chính quyền thành phố bám sát thực tiễn, triệt để phát huy ưu thế sinh thái riêng của Cù Châu, coi việc xây dựng thành phố “vườn sinh thái” là một trong các mục tiêu phát triển đô thị của Cù Châu, triệt để khai thác nét đặc sắc non nước, nội hàm văn hóa, xây dựng một đô thị đẹp, giàu màu sắc riêng.

1. Đề ra và thực hiện quy hoạch xây dựng thành phố vườn sinh thái

Theo yêu cầu “xây dựng môi trường sinh thái”, năm 2003 tỉnh Chiết Giang là tỉnh dẫn đầu toàn Trung Quốc về xây dựng môi trường sinh thái, đề ra và thực hiện “Nội dung cơ bản quy hoạch và xây dựng thành phố Cù Châu thành thành phố vườn sinh thái”, “Quy hoạch xây dựng thành phố vườn sinh thái Cù Châu” “Quy hoạch” có mục tiêu là hiện đại hóa mục tiêu môi trường sinh thái, tiền đề là bảo vệ môi trường sinh thái, then chốt là xây dựng kinh tế sinh thái, khâu quan trọng là khai thác nguồn tài nguyên nhân lực, nắm chắc dự án, ra sức phát triển GDP xanh, xác định lộ trình thực hiện chiến lược xây dựng thành phố “vườn sinh thái”. Năm 2006, thành phố và sáu huyện (thị, khu vực) được nghiệm thu là khu vực gương mẫu về môi trường sinh thái cấp Nhà nước, trở thành thành phố vườn sinh thái “một vùng xanh” duy nhất trong toàn tỉnh, hoàn thành mục tiêu bước đầu xây dựng thành phố “vườn sinh thái”.

2. Đề ra và thực hiện các quy hoạch phủ xanh công viên đô thị

Trong những năm gần đây, thành phố Cù Châu đã ba lần sửa đổi “Quy hoạch đất phủ xanh đô thị thành phố Cù Châu”. Quy hoạch căn cứ vào môi trường non nước đặc thù và hình thái đô thị của Cù Châu, tích cực xây dựng “chuỗi hạng mục xanh” mà trọng tâm là tạo dựng đất phủ xanh bảo vệ Hoàn Cổ Thành và Phủ Sơn, lấy hai con sông làm trục, mở rộng ra chung quanh, hình thành cục diện không gian đất phủ xanh đô thị “một trung tâm, hai trục, ba vùng, năm lô (đất)” dựa vào đất phủ xanh sinh thái khu trung tâm đô thị. Khi thực hiện cụ thể quy hoạch đất phủ xanh, thành phố Cù Châu làm tốt ba vấn đề sau:

- Vấn đề cảnh quan núi non, thể hiện rõ sự hùng vĩ của thành phố. Nếu cải tạo núi Phủ Sơn với quy mô lớn, diện tích công viên Phủ Sơn mới xây sẽ đạt 180 nghìn m², trở thành “lá phổi xanh” quan trọng nhất của trung tâm thành phố Cù Châu.

- Vấn đề sông nước, mang lại khí thiêng cho thành phố. Theo phương châm “dẫn nước về, làm sạch bùn, kè bằng đá, xây công viên”, Cù Châu đã cải tạo toàn diện hệ thống sông trong thành phố như Hộ Thành Hà, sông đào Thạch Thất Yến, mương Tây Bài, đưa nước sông Điều Khê về, xây dựng vành đai xanh hệ thống sông ngòi Hoàn Cổ Thành với tổng diện tích gần 400 nghìn m², cải thiện toàn diện chất lượng nước sông ngòi của thành phố.

- Vấn đề nhân văn, làm nổi bật hòa khí của thành phố. Kiên trì lấy con người làm gốc, theo yêu cầu không gian phủ xanh công cộng cách khu cư dân trung tâm thành phố 300m, ở các khu vực khác cách 400m, bố cục quy hoạch hợp lý công viên cấp thành phố, cấp khu và vườn vui chơi nhỏ ở các phố, thực hiện thiết kế xây dựng thành phố vườn sinh thái cao cấp, tiêu chuẩn cao.

II. Kiên trì đẩy mạnh dự án, xây dựng vững chắc cơ sở, thiết thực nâng cao mức

độ phủ xanh công viên đô thị

Từ khi Cù Châu xây dựng thành phố “vườn sinh thái” cấp Nhà nước tới nay, Thành phố luôn kiên trì quy hoạch xây dựng đất phủ xanh, tăng cường phủ xanh bằng nhiều phương thức, kết hợp phủ xanh trọng điểm, đẩy mạnh phủ xanh mặt phẳng và phủ xanh lập thể, các chỉ tiêu phủ xanh công viên đô thị tăng trưởng ổn định dần từng năm, mức phủ xanh công viên đô thị không ngừng nâng cao, bộ mặt đô thị đổi mới hoàn toàn.

1. Nhanh chóng xây dựng đất phủ xanh đô thị mà trọng điểm là đất phủ xanh công viên

Mấy năm gần đây, thành phố Cù Châu kiên trì lấy công tác xây dựng đất phủ xanh công viên, đất phủ xanh ven sông và đất phủ xanh đô thị làm khâu đột phá, tăng cường đầu tư xây dựng đất phủ xanh công viên. Hàng năm, chính quyền thành phố đều có kế hoạch đưa các công trình trọng điểm phủ xanh đô thị vào hạng mục phục vụ thiết thực cho dân sinh và công trình trọng điểm của thành phố, thông qua nhiều con đường như bố trí ngân sách tài chính, bán đấu giá đất đai, tiền duy tu bảo dưỡng đô thị, vay tiền vốn ngân hàng... để tập trung vốn xây dựng đất phủ xanh đô thị. Trong thời gian 7 năm kể từ năm 2003 đến 2009, Cù Châu đã đầu tư tổng cộng gần 1 tỷ NDT cho xây dựng phủ xanh công viên đô thị, diện tích đất phủ xanh công viên được xây dựng cải tạo bình quân mỗi năm hơn 400 nghìn m², khu trung tâm thành phố đã cơ bản thực hiện mục tiêu không gian phủ xanh công cộng cách khu cư dân trung tâm thành phố 300m, ở các khu vực khác cách 400m, bước đầu hình thành cảnh quan mới “cả thành phố đều là công viên”. Công viên Phủ Sơn của thành phố được công nhận là công viên trọng điểm cấp Nhà nước đợt II, giải thưởng công trình công viên ưu tú tỉnh Chiết Giang đợt I; Công viên Thể thao của thành phố được bình xét là công trình “cúp vàng” cấp tỉnh, giải thưởng công trình thị chính tỉnh Chiết Giang. Thành phố Cù Châu đã đồng

thời kiên trì phủ xanh đồng bộ với đường sá đô thị, cố gắng xây dựng đường tới đâu phủ xanh ngay tới đó, hoàn thiện mạng lưới phủ xanh đường sá đô thị. Nhanh chóng đẩy mạnh xây dựng đất phủ xanh phòng hộ sản xuất, tạo ra tấm bình phong sinh thái xanh cho đô thị. Xây dựng vành đai rừng phòng hộ xung quanh khu nội thành đô thị, giữa các vùng dựa vào những liên kết cơ bản như đường sắt, đường bộ, sông ngòi..., tăng cường chức năng phòng hộ đô thị. Kết hợp với đặc điểm khu vực, tích cực điều chỉnh cơ cấu các ngành sản xuất, xây dựng vườn ươm, vườn hoa, diện tích đất phủ xanh sản xuất chiếm 4,99% diện tích khu nội thành, khu Kha Thành còn được vinh danh là “nguồn cội của hoa cỏ Trung Quốc”.

2. Triển khai xây dựng đất phủ xanh theo đơn vị, theo khu cư trú

Thực hiện phủ xanh các công trình xây dựng, kiên trì xây dựng đồng bộ, thiết kế đồng bộ, xây dựng đồng bộ, nghiệm thu đồng bộ, tỷ lệ phủ xanh của đơn vị và khu cư trú bảo đảm khoảng 25% ở các khu cải tạo phố cũ, 30% ở khu xây dựng mới. Triển khai rộng rãi hoạt động bình xét thành tích phủ xanh của các đơn vị, tiểu khu cư trú. Đồng thời, đầu tư nhiều tiền vốn, cải tạo phủ xanh, vệ sinh, chiếu sáng các tiểu khu cư trú cũ, mức độ phủ xanh các tiểu khu cư trú cũ được nâng cao rõ rệt thông qua điều chỉnh diện tích đất phủ xanh, trồng thêm cây, cải tạo thảm cỏ, hoàn thiện công trình thể dục thể thao...

3. Tăng cường bảo vệ các cảnh quan của thành phố nổi tiếng về văn hóa lịch sử

Thành phố Cù Châu có bề dày văn hóa lịch sử hơn 1800 năm với rất nhiều công trình di tích. Trong quá trình xây dựng đô thị, thành phố Cù Châu đã kiên trì kết hợp mở mang với bảo tồn, chú trọng xử lý tốt ba mối quan hệ xây dựng đô thị, phát triển kinh tế và bảo tồn thành phố nổi tiếng. Đề ra và thực hiện những quy hoạch như “Quy hoạch bảo vệ thành phố nổi tiếng văn hóa lịch sử Cù Châu”..., kết hợp cải

tạo với xây dựng phát triển, tăng cường công tác bảo vệ duy tu những công trình di tích lớn như Khổng Miếu Nam Tông, Thủy Đình Môn, Phủ Sơn..., những khu phố văn hóa, sông Hộ Thành Hà, Miếu gia tộc họ Khổng và tường thành Cù Châu được xếp vào danh sách các công trình di tích trọng điểm cấp Nhà nước. Cù Châu đã bảo vệ hữu hiệu bộ mặt thành phố văn hóa lịch sử giàu sức cuốn hút.

4. Nhanh chóng xây dựng sinh thái công trình hạ tầng đô thị

Cù Châu là bức tranh sinh thái miền Tây tỉnh Chiết Giang. Gần đây, thành phố Cù Châu coi trọng công tác xây dựng sinh thái đô thị, xây dựng hệ thống chính sách bảo đảm và cơ chế công tác. Theo quy hoạch thành phố vườn sinh thái và “Quy hoạch nhất thể hóa phủ xanh thành thị và nông thôn thành phố Cù Châu”, ra sức thực hiện “5 công trình sinh thái lớn: xây dựng rừng sinh thái, cải tạo rừng cây lá kim, xây dựng hành lang xanh, công xây dựng khu bảo vệ tự nhiên và bảo vệ tính đa dạng sinh vật, triển khai hoạt động “trăm thôn làm gương, nghìn thôn điều chỉnh”, xây dựng “nông thôn, thị trấn gương mẫu về phủ xanh” ở vùng nông thôn. Tháng 8/2007, tại Hội nghị điển hình gương mẫu về xây dựng nông thôn mới tỉnh Chiết Giang được tổ chức tại thành phố Cù Châu, Bí thư Tỉnh ủy và Tỉnh trưởng tỉnh Chiết Giang đã đánh giá cao thành tích của thành phố Cù Châu trong những năm gần đây ở các mặt xây dựng môi trường sinh thái đô thị, xây dựng môi trường sinh thái nhất thể hóa thành thị và nông thôn...

Trong lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, thành phố Cù Châu không ngừng tăng cường cải cách thể chế xây dựng đô thị, huy động tiền vốn từ nhiều nguồn, lần lượt xây dựng mới và cải tạo hơn 50 tuyến đường đô thị, đồng thời xây dựng nhiều công trình công cộng và công trình hạ tầng đô thị có ảnh hưởng quan trọng đối với kinh tế xã hội và môi trường sinh thái toàn thành phố: đầu tư 183 triệu NDT hoàn

thành giai đoạn I xây dựng hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt đô thị và nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt đô thị; đầu tư 120 triệu NDT xây dựng mới bãi xử lý chôn lấp rác thải sinh hoạt thành phố Cù Châu; đầu tư 153 triệu NDT xây dựng nhà máy nước Tam Thủy - mở rộng năng lực cung ứng nước sạch đô thị tăng thêm 100 nghìn tấn/ngày đêm. Gần đây, thành phố Cù Châu liên tục khởi công nhiều tuyến đường giao thông công cộng kết nối giữa đô thị và nông thôn, đáp ứng tương đối tốt nhu cầu đi lại của nhân dân.

Đồng thời với việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống công trình hạ tầng đô thị, thành phố Cù Châu kiên trì thúc đẩy 5 thành phố xung quanh cùng liên kết sáng tạo, tăng cường xử lý tổng hợp môi trường đô thị, xử lý môi trường nước, tiết kiệm năng lượng, giảm xả chất thải, cải tạo nông thôn, cải tạo ngõ phố nhỏ, tích cực tìm tòi xây dựng cơ chế quản lý đô thị lâu dài và hữu hiệu.

III. Kiên trì phủ xanh theo quy định của pháp luật, tăng cường quản lý, đẩy mạnh công tác phủ xanh đô thị với hiệu quả cao

Thành phố Cù Châu hết sức coi trọng xây dựng chế độ phủ xanh đô thị, kiên trì phủ xanh theo quy định của pháp luật, đề ra hơn 10 văn kiện mang tính chính sách và quy định kỹ thuật về xây dựng, bảo dưỡng, quản lý đất phủ xanh đô thị, tạo chỗ dựa khoa học và sự bảo đảm vững chắc cho quản lý công tác phủ xanh đô thị thành phố Cù Châu. Đồng thời, thành phố kiên trì sáng tạo thể chế, cơ chế, tích cực tìm tòi biện pháp tăng cường quản lý ngành phủ xanh đô thị. Hiện nay, thể chế quản lý công tác phủ xanh đô thị toàn thành phố đang được kiện toàn và tăng cường hơn nữa, có những tiến bộ quan trọng trong chức năng quản lý. Thành phố nghiêm chỉnh thực hiện chế độ quản lý “tuyến phủ xanh”, tuyến phủ xanh đợt đầu tiên trong quy hoạch đô thị do ngành chủ quản xây dựng và ngành chủ quản quy hoạch liên kết đề ra, chính quyền thẩm tra phê chuẩn, công bố

ra xã hội, xây dựng mốc giới tuyến phủ xanh ở vị trí quan trọng tại hiện trường, xác định rõ tính chất, diện tích đất phủ xanh...; Kiên trì nguyên tắc quy hoạch đồng bộ, thiết kế đồng bộ, xây dựng đồng bộ, nghiệm thu đồng bộ, quản lý chặt chẽ chất lượng phủ xanh và chỉ tiêu tỷ lệ đất phủ xanh dự án xây dựng, thẩm tra nghiêm phương án phủ xanh, thực hiện chế độ giám sát, nghiệm thu công trình hoàn thành, bảo đảm mức độ xây dựng và chỉ tiêu phủ xanh. Công tác quản lý đất phủ xanh từng bước chuyển từ chú trọng số lượng sang chú trọng chất lượng, từ mô hình đột phá trọng điểm sang mô hình hiệu quả lâu dài, nâng cao rõ rệt trình độ bảo vệ đất phủ xanh.

IV. Kiên trì nguyên tắc phù hợp với đặc điểm địa phương, thực hiện hiệu quả sinh hoạt, hiệu quả xã hội tối đa

Gần đây, thành phố Cù Châu đã tạo dựng vững chắc quan niệm “ưu tiên sinh thái”, khai thác triệt để nguồn tài nguyên công viên sinh thái. Thành phố kiên trì nguyên tắc lấy con người làm gốc, phù hợp với đặc điểm địa phương, làm rõ nét đặc sắc, dựa trên triết lý tận dụng ưu thế tự nhiên, hoàn thiện và tối ưu hóa hệ thống đất phủ xanh đô thị. Trong xây dựng đất phủ xanh đô thị, thành phố kiên trì nguyên tắc trồng cây sẵn có của địa phương để phủ xanh, bảo vệ nguồn tài nguyên phủ xanh, quản lý chặt chẽ cảnh quan nhân tạo và các loại cây lớn, ra sức thực hiện phủ xanh lập thể, tích cực đẩy mạnh phủ xanh công viên theo mô hình tiết kiệm, hiện nay đã xây dựng xong các công trình gương mẫu phủ xanh công viên sinh thái như công viên Nam Hoàn, công viên Nghiêm Gia Vu...

Lý Bang Cần

Nguồn: T/C “Xây dựng đô thị & nông thôn”

TQ số 5/2010

ND: Hoàng Thế Vinh

Việc khắc phục những khuyết thiếu trong hệ thống xử lý nước thải ở các thị trấn nhỏ thuộc địa khu Tô Nam, Trung Quốc

Địa khu Tô Nam là tên gọi chung của vùng phía Nam tỉnh Giang Tô, Trung Quốc. Tại các thị trấn và làng xã ở địa khu này chưa có quy hoạch nước thải hoàn thiện, thậm chí có nơi không có quy hoạch. Đường giao thông trong các thị trấn thường nhỏ hẹp, đường ống ngầm bố trí lộn xộn, quá trình xây dựng, thi công không đúng tiêu chuẩn rất phổ biến. Nhìn chung, vấn đề xây dựng mạng lưới đường ống thoát nước thải ở các thị trấn thuộc địa khu Nam Tô vẫn còn dở dang và nan giải. Để giúp các thị trấn thuộc địa khu Nam Tô có hệ thống xử lý nước thải hoàn thiện, dưới đây tác giả nêu ra một số vấn đề có liên quan để cùng thảo luận.

1. Để có phương hướng đúng đắn trong việc thiết kế đường ống thoát nước thải, trước tiên cần phải hoàn thiện quy hoạch thoát nước thải

Do yêu cầu xử lý nước thải ở lưu vực Thái Hồ rất nghiêm ngặt, nhất thiết phải thực hiện xây dựng, cải tạo nhà máy xử lý nước thải đúng thời gian quy định. Để các nhà máy xử lý nước thải sớm được đưa vào vận hành, các thôn trấn phải nhanh chóng xây dựng mạng lưới đường ống thoát nước thải, hoặc trong quá trình làm đường đồng thời bố trí luôn đường ống thoát nước thải. Tuy nhiên, do thiếu hướng dẫn quy hoạch, không ít đơn vị thiết kế chỉ dựa vào kinh nghiệm và quan niệm xây dựng, triển khai công tác thiết kế đường nước thải và đã xảy ra rất nhiều vấn đề liên quan tới hướng, cao độ nền, kích thước đường ống, độ dốc ... không đồng đều, làm ảnh hưởng tới công năng của hệ thống đường ống nước thải. Do vậy, việc nhanh chóng hoàn thiện hoặc lập quy hoạch thoát nước thải cho các thị trấn thuộc địa khu Nam Tô là rất cần thiết.

2. Có hệ thống đường nước thải hợp lý và phù hợp sẽ đạt hiệu quả cao trong việc phân dòng chảy cho nước thải và nước mưa.

Hệ thống thoát nước có thể phân thành 2 loại là hệ thống thoát nước riêng rẽ và hệ thống thoát nước chung. Hệ thống thoát nước riêng rẽ có thể duy trì dòng chảy trong đường ống, rác rưởi không bao giờ lắng chìm xuống đáy, khi chảy đến nhà máy xử lý nước thải, lượng nước và chất lượng nước không có thay đổi nhiều so với hệ thống chung, dễ dàng kiểm soát trong quá trình vận hành nhà máy xử lý nước thải. Sử dụng hệ thống thoát nước riêng rẽ sẽ tránh được việc cải tạo, chuyển đổi lại đường ống đối với những khu vực đã có sẵn đường nước thải, không gây ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân, giảm bớt độ khó trong thi công, công việc xử lý nước thải được tiến hành thuận lợi hơn. Nước thải sẽ được thu gom toàn bộ về nhà máy xử lý, không bị rò rỉ ra sông, hồ và gây ô nhiễm.

Để ngăn hệ thống thoát nước chung và chuyển sang hệ thống thoát nước riêng rẽ, chỉ cần bố trí ở miệng cống của hệ thống thoát nước chung một giếng chuyển hướng nước vào các đường ống riêng. Nhưng cần phải thiết kế hợp lý, nếu không, vào mùa khô, khi nước bắn thải ra, rất dễ ô nhiễm vào sông hồ.

Do đó, tác giả bài viết đưa ra kiến nghị, trong thời buổi kinh tế đang khó khăn như hiện nay, cộng với việc khó khăn trong công tác cải tạo tại các thôn trấn trong khu vực, có thể lựa chọn cách ngăn hệ thống chung, chuyển sang hệ thống riêng rẽ là hợp lý, phù hợp với kinh tế. Khi một con đường mới được cải tạo, hay một tiểu khu được xây dựng, đồng thời, chỉ cần mỗi hộ dân có ý thức thực hiện phân dòng chảy nước mưa và nước thải, đối với các thôn trấn cần có phương án quy hoạch và thiết kế hệ thống tập hợp nước thải, như vậy là có thể có một hệ thống thoát nước hoàn thiện.

3. Lựa chọn phương án thi công hợp lý, đạt hiệu quả kiểm soát giá thành đầu tư

Phương pháp thi công đường ống nước thải gồm: đào hở, đào kín và kích đẩy. Nhưng việc lựa chọn các phương pháp thi công khác nhau cũng khiến cho chi phí đầu tư có sự chênh lệch lớn, do đó, khi thiết kế hệ thống thu gom nước thải, cần phải tìm hiểu rõ các phương pháp thi công, từ đó đưa ra tính toán đầu tư hợp lý. Do vậy, phải nắm rõ và cẩn thận trong lựa chọn phương pháp thi công, giảm chi phí đầu tư công trình nhưng vẫn đạt hiệu quả cao. Với tình hình hiện nay, do điều kiện giao thông không cho phép, khi thực hiện thi công đào gặp khó khăn, có thể lựa chọn phương pháp đào kín, cuối cùng là phương pháp kích đẩy.

Khu vực Tô Nam có hệ thống sông ngòi dày đặc, mật độ trên 5,18 km/km², đồng thời, nhiều thị trấn và thành phố nhỏ trong khu vực đang trong quá trình phát triển, nhưng không có sự kiểm soát của quy hoạch, nên nhiều công trình xây dựng được xây sát bờ sông, nếu không phá dỡ, sẽ gây khó khăn cho công tác lắp đặt đường ống nước thải. Tác giả đã đưa ra kiến nghị: khi thiết kế hệ thống nước thải, cần dựa vào hệ thống sông để phân chia, làm sao lắp đặt đường ống qua sông có mức chi phí thấp nhất.

4. Thiết kế số lượng trạm bơm và độ sâu đường ống hợp lý, đạt hiệu quả trong việc giảm quy hoạch sử dụng đất

Đường ống nước thải nhất thiết phải được bố trí với khoảng cách quy định, nếu đào đường ống quá sâu, sẽ gặp khó khăn trong thi công và bảo dưỡng định kỳ, hơn nữa lắp đặt trạm bơm tăng áp phải phù hợp với các công trình xây dựng của địa phương.

Nếu thiết kế lắp đặt quá nhiều trạm bơm, không những chiếm nhiều diện tích đất, mà hiện nay điều kiện môi trường để nâng cấp trạm bơm chưa được tốt và còn nhiều hạn chế. Ngoài ra, việc thiết lập quá nhiều trạm bơm còn phải tăng thêm nhân viên quản lý vận hành, khiến cho chi phí vận hành cũng tăng theo. Theo tác giả bài viết, với điều kiện địa chất tương đối ổn

định như ở Nam Tô, độ sâu lắp đặt đường ống nước thải chỉ cần từ 7-9m là được, có thể nghiên cứu lắp đặt trạm bơm tăng áp.

Khi xây dựng trạm bơm tăng áp nên tránh làm gần đường điện cao thế. Tại những khu vực có nhiều cây xanh và gần khu dân cư, để tránh gây ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân trong khu vực lân cận, có thể xây dựng trạm bơm ngầm. Trong giai đoạn lập quy hoạch đường ống, cần khảo sát kỹ thực địa, đồng thời tham khảo tình hình địa chất ở nơi đó, lựa chọn địa điểm, số lượng trạm bơm sẽ lắp đặt và chôn đường ống với độ sâu hợp lý.

5. Xây dựng công trình giếng tách dòng hợp lý, đạt hiệu quả cao trong công tác phân tách dòng chảy

Xây dựng công trình giếng tách dòng hợp lý, đạt hiệu quả cao: mục đích của việc tạo ra giếng tách dòng là vào mùa khô, toàn bộ nước thải thông qua hệ thống đường ống chung chảy tới nhà máy xử lý nước thải, còn vào mùa mưa, nước thải sẽ bị tắc ngăn, ngăn tách nước mưa và nước thải cho chảy vào các đường ống riêng biệt và chảy tới nhà máy xử lý. Nếu khoảng cách của tắc ngăn dòng chảy quá hẹp, lượng nước thải lại quá lớn, chắc chắn chất lượng nước sẽ bị ô nhiễm. Nếu khoảng cách của tắc ngăn dòng chảy mà rộng, lượng nước thải lại ít, chắc chắn chất lượng nước sẽ được đảm bảo, không bị ô nhiễm, nhưng mức vốn đầu tư vào công trình sẽ tốn kém hơn rất nhiều. Do đó, thiết lập giếng tách dòng hợp lý rất quan trọng.

Tác giả bài viết đưa ra kiến nghị: đối với những khu vực có điều kiện kinh tế phát triển, có thể lựa chọn hệ thống ngăn lớn một chút. Để ngăn chặn nước mưa xâm nhập vào đường ống nước thải, có thể lắp van mở vệt vào cửa ra của giếng ngăn.

6. Điều tra nghiên cứu, đảm bảo xây dựng một hệ thống đường ống hoàn thiện

Mặc dù địa thế của Nam Tô nhìn chung bằng phẳng, nhưng cũng còn một số nơi địa hình còn gập ghềnh, mạng lưới sông ngòi dày

đặc. Khi quy hoạch, có thể chọn bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5000. Khi thiết kế cụ thể, có thể chọn bản đồ đo vẽ địa hình tỷ lệ 1:1000. Một số hiện tượng thường gặp, lựa chọn bản đồ địa hình không phù hợp, trong quá trình thiết kế đường ống không kiểm tra kỹ lưỡng hiện trường, địa hình xung quanh tương đối thấp, nên khi lắp đặt đường ống, mặc dù điểm đầu của đường ống chính chôn sâu 2m, nhưng cũng khiến một số đường ống nhánh trong thành phố không chảy vào được.

Do đó kiến nghị: trong giai đoạn quy hoạch, quan trọng nhất là cần lựa chọn bản đồ địa hình chuẩn xác và chi tiết, nếu không sẽ khó đáp ứng được nhu cầu sử dụng để thiết kế mạng lưới đường ống. Điểm đầu của đường ống chính có thể chôn ở độ sâu từ 2-2.5m, nhưng cần tham khảo độ cao của nền đất xung quanh và phạm vi của các đoạn đường ống, không được dựa vào độ cao của mặt đường mà triển khai thiết kế

7. Kết luận

Việc tập hợp xử lý nước thải ở các thôn trấn

thuộc địa khu Nam Tô, có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác xử lý nước thải ở lưu vực Thái Hồ. Khi tiến hành xây dựng các công trình, trước tiên phải căn cứ vào quy hoạch tổng thể lắp đặt đường ống của địa phương, tiếp đến là dựa vào hệ thống sông và tình hình kinh tế, từ đó lựa chọn hệ thống thoát nước hợp lý. Đồng thời, cần khảo sát hiện trường như về điều kiện địa khu Nam Tô, đặc điểm của mạng lưới cấp nước, phương pháp thi công lắp đặt đường ống, phương án thiết kế đường ống chạy qua sông, tính toán so sánh chi phí kỹ thuật, sau đó mới đưa ra quyết định thi công hợp lý. Ngoài ra, khi thiết kế cụ thể, cần nghiên cứu và điều tra kỹ lưỡng, thiết kế mạng lưới đường ống, trạm bơm, giếng ngăn đạt hiệu quả cao, giảm chi phí dự án ở mức thấp nhất, phát huy hiệu quả sử dụng của các hệ thống thoát nước thải.

Vương A Hoa – Quản Lãm

Nguồn: Tạp chí Xây dựng Đô thị & Nông thôn Trung Quốc số 8/2010

ND: Bích Ngọc

TRIỂN LÃM QUỐC TẾ VIETBUILD CẦN THƠ 2010

XÂY DỰNG - VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BẤT ĐỘNG SẢN & TRANG TRÍ NỘI NGOẠI THẤT

Tp. Cần Thơ, ngày 13 tháng 10 năm 2010



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Triển lãm



Lễ cắt băng khai mạc Triển lãm